

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH- MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần (tiếng Việt): Luật tố tụng dân sự

Tên học phần (tiếng Anh): Law on Civil Procedure

1) Thông tin chung

- Mã số học phần: 011244
- Tổng số tín chỉ: 3
- Phân bố thời gian (giờ): 45
- Số giờ tự học (giờ): 105
- Khoa Quản lý học phần: Khoa Kinh tế - Luật
- Đối tượng người học: dành cho sinh viên năm thứ 2 - Chương trình Chuẩn
- Học phần thuộc ngành: Luật kinh tế
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☒						
		Cơ sở ngành ☐		Ngành ☐			Chuyên ngành ☒	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bổ trợ ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐

- Điều kiện tiên quyết gồm:

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần học trước: Luật Dân sự 2, Luật Thương mại 2

Học phần song hành: Không

2) Mô tả văn tắt nội dung học phần

Luật Tố tụng dân sự là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Đầu tư - Kinh doanh. Nội dung học phần tập trung cung cấp kiến thức pháp luật cơ bản về luật tố tụng dân sự; thẩm quyền dân sự của toà án nhân dân; nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng; chứng minh và chứng cứ trong tố tụng dân sự; biện pháp khẩn cấp tạm thời; cấp, tổng đạt và thông báo các văn bản tố tụng; trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc dân sự tại toà án cấp sơ thẩm, phúc thẩm và thủ tục xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của toà án....

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Học phần này hướng đến cung cấp kiến thức, kỹ năng cho người học để người học

có khả năng vận dụng các quy định pháp luật về tổ tụng dân sự vào giải quyết các tình huống, tổ chức một phiên toà giả định, với thái độ tôn trọng pháp luật.

4) Chuẩn đầu ra của học phần (Chuẩn đầu ra được phân nhiệm ở mức R trong ma trận mối quan hệ CDR của CTĐT với các học phần)

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Trình bày các khái niệm cơ bản liên quan đến tổ tụng dân sự.	Kiến thức
CLO2	Xác định các loại vụ việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, chủ thể tham gia, thẩm quyền giữa các Tòa án theo cấp và theo lãnh thổ; nắm được các kiến thức về chứng cứ, chứng minh; nhận thức được trình tự, thủ tục giải quyết các vụ án dân sự tại Tòa án theo các thủ tục sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm; được trình tự, thủ tục giải quyết các việc dân sự tại Tòa án.	Kiến thức
CLO3	Giải quyết các tình huống liên quan đến tổ tụng dân sự.	Kiến thức
CLO4	Kỹ năng soạn thảo các văn bản liên quan đến tổ tụng dân sự.	Kỹ năng
CLO5	Làm việc độc lập/làm việc theo nhóm, chủ động giải quyết công việc, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.	Tự chủ và trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
1	CHƯƠNG 1 KHÁI NIỆM VÀ CÁC NGUYÊN TẮC CƠ BẢN CỦA LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ VIỆT NAM 1.1. Một số khái niệm cơ bản của Luật tổ tụng dân sự 1.1.1. Khái niệm vụ việc dân sự 1.1.2. Trình tự tổ tụng dân sự 1.1.3. Khái niệm Luật Tổ tụng dân sự 1.2. Các nguyên tắc cơ bản của Luật tổ tụng dân sự 1.2.1. Khái niệm, ý nghĩa	3		6	CLO1	Thuyết giảng.	[1], [4]	Đọc chương 1 giáo trình chính

	của các nguyên tắc 1.2.2.Nội dung các nguyên tắc							
2	CHƯƠNG 2 CHỦ THỂ QUAN HỆ PHÁP LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ 2.1. Chủ thể tiến hành tổ tụng 2.1.1. Cơ quan tiến hành tổ tụng 2.1.2. Người tiến hành tổ tụng dân sự 2.2. Chủ thể tham gia tổ tụng 2.2.1.Đương sự 2.2.2.Những người tham gia tổ tụng khác	5	1	10	CLO1	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm.	[1]; [2];[4]	Đọc chương 2 giáo trình chính
3	CHƯƠNG 3 THẨM QUYỀN CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN 3.1. Thẩm quyền theo vụ việc 3.1.1. Khái niệm và ý nghĩa 3.1.2. Thẩm quyền giải quyết 3.2. Thẩm quyền theo cấp tòa án 3.2.1. Thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện 3.2.2. Thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp tỉnh 3.2.3. Thẩm quyền của Tòa án nhân dân tối cao 3.3. Thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ 3.4. Thẩm quyền của Tòa án theo sự lựa chọn của nguyên đơn, người yêu cầu 3.5. Giải quyết tranh chấp về thẩm quyền 3.5.1. Khái niệm tranh chấp thẩm quyền.	7	2	14	CLO2, CLO5.	Thuyết giảng; Hoạt động nhóm (các nhóm báo cáo chuyên đề)	[1]; [2]; [3]; [4];	Chuẩn bị chuyên đề. Đọc chương 3 giáo trình chính

	3.5.2. Giải quyết tranh chấp về thẩm quyền.							
4	CHƯƠNG 4 ÁN PHÍ, LỆ PHÍ TRONG TỔ TỤNG DÂN SỰ 4.1. Án phí trong Tổ tụng dân sự 4.1.1. Khái niệm, ý nghĩa 4.1.2. Các loại án phí 4.1.3. Tạm ứng án phí 4.1.4. Những trường hợp được miễn, không phải nộp án phí 4.2. Lệ phí, chi phí tố tụng 4.2.1. Lệ phí 4.2.2. Chi phí tố tụng khác.	4	1	14	CLO1	Thuyết giảng; Thảo luận.	[1]; [2]; [4]	Đọc chương 4 giáo trình chính
	CHƯƠNG 5 CHỨNG CỨ VÀ CHỨNG MINH TRONG TỔ TỤNG DÂN SỰ 5.1. Chứng cứ 5.1.1. Khái niệm và đặc điểm chứng cứ 5.1.2. Nguồn chứng cứ 5.1.3. Nguyên tắc xác định chứng cứ 5.2. Chứng minh trong tố tụng dân sự 5.2.1. Khái niệm chứng minh 5.2.2. Chủ thể chứng minh 5.2.3. Những vấn đề cần phải chứng minh 5.2.4. Những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh	5	1	16	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận. Thực hành chứng minh	[1]; [2]; [3]; [4]	Làm tình huống chương 4. Đọc chương 5 giáo trình chính
5								
6	CHƯƠNG 6 BIỆN PHÁP KHẢN CẤP TẠM THỜI, TẠM ĐÌNH CHỈ. ĐÌNH CHỈ	5	1	15	CLO3, CLO4, CLO5	Thuyết giảng; Hoạt động	[1]; [2]; [3]; [4];	Chuẩn bị chuyên đề. Đọc

	VỤ ÁN DÂN SỰ 3.1. Biện pháp khẩn cấp tạm thời trong tố tụng dân sự 3.1.1. Khái niệm và ý nghĩa của biện pháp khẩn cấp tạm thời 3.1.2. Quyền yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời 3.1.3. Thẩm quyền, thủ tục áp dụng, thay đổi và hủy bỏ áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời 3.1.4. Các biện pháp khẩn cấp tạm thời 3.1.5. Trách nhiệm do áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời 3.1.6. Khiếu nại, kiến nghị quyết định áp dụng, thay đổi và hủy bỏ áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời 3.2. Thủ tục tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết vụ án dân sự 3.2.1. Thủ tục tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự Thủ tục đình chỉ giải quyết vụ án dân sự					nhóm (các nhóm báo cáo chuyên đề.		chương 6 giáo trình chính
7	CHƯƠNG 7 THỦ TỤC GIẢI QUYẾT CÁC VỤ ÁN DÂN SỰ 7.1. Thủ tục sơ thẩm vụ án dân sự 7.1.1. Khởi kiện và thụ lý vụ án dân sự 7.1.2. Chuẩn bị xét xử sơ thẩm 7.1.3. Phiên tòa sơ thẩm 7.2. Thủ tục phúc thẩm vụ án dân sự 7.2.1. Tính chất của xét	3	2	15	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận. Thực hành phòng mô phỏng	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Làm tình huống chương 6. Đọc chương 7 giáo trình chính

	xử phúc thẩm dân sự 7.2.2. Kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm 7.2.3. Trình tự phúc thẩm 7.3. Thủ tục xét lại các bản án, quyết định đã có hiệu lực 7.3.1. Thủ tục giám đốc thẩm 7.3.2. Thủ tục tái thẩm							
	CHƯƠNG 8 THỦ TỤC GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ 4.1. Khái niệm, đặc điểm 4.1.1. Khái niệm 4.1.2. Đặc điểm 4.2. Thủ tục chung giải quyết việc dân sự 4.2.1. Thủ tục sơ thẩm	3	2	15	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận. Thực hành phòng mô phỏng	[1]; [2]; [5].	Làm t 1 hướng chương 7. Đọc chương 8 giáo trình chính
8	việc dân sự 4.2.2. Thủ tục phúc thẩm việc dân sự 4.3. Thủ tục giải quyết các việc dân sự cụ thể 4.3.1. Thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố một người mất, hạn chế năng lực hành vi dân sự 4.3.2. Thủ tục giải quyết yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú 4.3.3. Thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố một người mất tích, một người là đã chết Thủ tục công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài, quyết định của Trọng tài nước ngoài							

6) Phương pháp dạy – học

6.1. Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi, làm bài tập	Giáo trình chính
2	Thảo luận nhóm	Phân chia nhóm, trao đổi, thảo luận nhóm, trình bày, nộp sản phẩm thảo luận	Chủ đề thảo luận Giáo trình chính
3	Báo cáo chuyên đề	Phân chia chuyên đề, phân nhóm, từng nhóm báo cáo và trao đổi thảo luận	Chuyên đề viết báo cáo. Giáo trình chính
4	Thực hành phòng mô phỏng	Xây dựng kịch bản, diễn phiên toà	Giáo trình chính Kịch bản phiên toà

6.2. Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc:

- Hướng dẫn và chia nhóm: mỗi nhóm tối đa 8 sinh viên, bầu nhóm trưởng và thư ký nhóm.
- Nhóm trưởng nhận chủ đề nghiên cứu và báo cáo từ giảng viên đứng lớp.
- Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm triển khai các công việc (ghi nhận, đánh giá chất lượng và thời gian thực hiện của các thành viên).
- Hoàn thành sản phẩm theo yêu và thời gian giảng viên yêu cầu.
- Nghiên cứu giáo trình chính và hoàn thành tình huống được giao.

7) Tài liệu dạy và học

❖ Tài liệu giảng dạy(giáo trình chính):

- (1) Trường Đại học Luật Hà Nội.2017.Giáo trình Luật Tổ tụng Dân sự Việt Nam, Nxb. CAND.
- (2) Trường Đại học Luật Tp.Hồ Chí Minh.2013.Giáo trình Luật Tổ tụng Dân sự Việt Nam, Nxb. Hồng Đức.
- (3) Bộ luật Tổ tụng Dân sự năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

❖ Tài liệu hướng dẫn tự học:

- Tiếng Việt

- (1) PGS.TS Trần Anh Tuấn.2017.Bình luận khoa học Bộ luật Tổ tụng Dân sự 2015, Nxb. Tư pháp.
- (2) Trường Đại học Cần Thơ.2019.Giáo trình Luật Tổ tụng Dân sự Việt Nam-Quyển 1: Những vấn đề lý luận chung, Nxb.CTQG.
- (3) TS. Đặng Thanh Hoa.2020.Pháp luật Tổ tụng dân sự (phần chung)- Tình huống và phân tích, Nxb. Hồng Đức
- (4) TS. Đặng Thanh Hoa.2020.Pháp luật tổ tụng dân sự (phần thủ tục giải quyết vụ án dân sự)- Tình huống và phân tích, Nxb. Hồng Đức.
- (5) TS.LS. Lưu Tiến Dũng và TS. Đặng Thanh Hoa (Đồng Chủ biên).2020. Lý giải một số vấn đề của Bộ luật Tổ tụng Dân sự năm 2015 từ thực tiễn xét xử, Nxb. Hồng Đức.

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2. Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Chuẩn bị bài báo cáo chuyên đề (nhóm)	Chấm bài báo cáo	Bài báo cáo chuyên đề hoàn thành
Làm tình huống	Chấm điểm tình huống	Tình huống hoàn thành
Tham dự phiên toà thực tế	Chấm điểm bài thu hoạch	Bài thu hoạch

8.3. Phương pháp đánh giá học phần:

Nội dung		Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Tích cực tham gia hoạt động trên lớp [1]	10%
	Kiểm tra thường xuyên	Thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề [2] Tự học [3]	10%
Đánh giá kết thúc	Giữa kỳ	Trắc nghiệm, tự luận [4]	10%
		Thực hành diễn phiên toà [5]	20%
	Thi kết thúc	Trắc nghiệm, tự luận [4]	50%
		Hoặc tiểu luận cá nhân [4]	

9) Ma trận

9.1. Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

PLOs CLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO1								M	M	
CLO2			M					M	M	
CLO3			M							
CLO4			M							
CLO5										

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết giảng	X	X			
Thảo luận nhóm	X	X			X
Báo cáo chuyên đề	X	X			X
Thực hành tại phòng mô phỏng	X	X	X	X	X

9.3. Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Tích cực tham gia hoạt động trên lớp	X	X	X		X
Thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề	X	X			X
Tự học		X	X		X
Trắc nghiệm, tự luận	X	X		X	X
Tiểu luận cá nhân	X	X		X	X

10. CÁC RUBRIC/THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

10.1 Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài.	10 điểm
Vắng học: < 10%, có phát biểu xây dựng bài.	7-9 điểm
Vắng học: từ 10% đến < 25%, có phát biểu xây dựng bài.	5-7 điểm
Vắng học: từ 25% đến < 40%.	3-5 điểm
Vắng học: từ 40% đến < 60%.	0 – 3 điểm
Vắng học: 60%	0 điểm

10.2. Đánh giá phương pháp trắc nghiệm, tự luận

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5≤10)
Nội dung trắc nghiệm	- Không chọn đúng được các câu hỏi kiến thức cơ bản	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)

Nội dung tự luận	Không làm được	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)
------------------	----------------	--	---	---	---

10.3 Đánh giá điểm bài tập tự học

Số bài tập tự học được giao	Mức cho điểm
Làm bài tập đầy đủ (90%≤100%)	10 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (80%≤90%)	7-9 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (50%≤80%)	5-7 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (30%≤50%)	3-5 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (<=30%)	0 – 3 điểm
Không làm bài tập	0 điểm.

10.4 Rubric: Báo cáo chuyên đề/ Thảo luận nhóm

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Nội dung báo cáo phù hợp, cập nhật 3. Phong cách trình bày 4. Trả lời các câu hỏi đặt ra	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

10.5. Rubric thực hành phòng mô phỏng

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Kịch bản 2. Nhập vai 3. Tranh luận 4. Vận dụng pháp luật tổ tụng	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

10.6 Rubric đánh giá hoạt động dự phiên tòa thực tế

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Tham gia đầy đủ đúng giờ và tuân thủ nội quy tại phiên toà 2. Hình ảnh, tư liệu minh chứng 3. Phỏng vấn chuyên gia 4. Bài thu hoạch	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

10.6 Rubric: Tiểu luận cá nhân cuối kỳ (Nếu sử dụng phương pháp đánh giá này)

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Phương pháp nghiên cứu 3. Nội dung tiểu luận phù hợp, cập nhật 4. Hàm ý kiến nghị đề xuất	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 9 năm 2024

TUQ. Hiệu trưởng
Trưởng phòng QLĐT

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

PGS.TS. Phan Thị Hằng Nga

TS. Đoàn Ngọc Phúc

TS. Tô Thị Đông Hà

ThS Hồ Thị Thanh Trúc

PHỤ LỤC

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Hồ Thị Thanh Trúc	Học hàm, học vị: Thạc sỹ
Địa chỉ cơ quan: 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh	Điện thoại liên hệ: 0909022483
Email: hotruc@ufm.edu.vn	Trang web: https://ufm.edu.vn
Cách liên lạc với giảng viên: bằng email hoặc tại văn phòng khoa Kinh tế- Luật	

Giảng viên hỗ trợ học phần/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH- MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần (tiếng Việt): Luật Lao động

Tên học phần (tiếng Anh) : Labor Law

1) Thông tin chung

- Mã số học phần: 011249
- Tổng số tín chỉ: 3
- Phân bố thời gian (giờ): 45
- Số giờ tự học (giờ): 105
- Khoa Quản lý học phần: Khoa Kinh tế - Luật
- Đối tượng người học: dành cho sinh viên năm thứ 2 - Chương trình Chuẩn
- Học phần thuộc ngành: Luật Kinh tế
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☒						
		Cơ sở ngành ☐		Ngành ☐			Chuyên ngành ☒	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bổ trợ ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐

- Điều kiện tiên quyết gồm:
- Điều kiện tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Luật Dân sự
- Học phần song hành: Không

2) Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Luật Lao động là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Đầu tư - Kinh doanh. Nội dung học phần tập trung cung cấp kiến thức lý luận và thực tiễn xây dựng, ban hành, thực thi các định chế về quan hệ lao động và các vấn đề thuộc lĩnh vực lao động - xã hội; nội dung pháp luật lao động (cơ chế ba bên, quản lý nhà nước về lao động, quan hệ hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, các điều kiện lao động, quản lý lao động trong doanh nghiệp, tranh chấp lao động, đình công); quyền và nghĩa vụ của người lao động và người sử dụng lao động, các tiêu chuẩn lao động, các nguyên tắc sử dụng và quản lý lao động nhằm góp phần xây dựng và thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh vận hành theo khuôn khổ pháp luật.

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Học phần này hướng đến cung cấp kiến thức, kỹ năng cho người học để người học có khả năng chủ động, tự tin với việc giao kết, quản lý và thực hợp đồng lao động; vận dụng các quy định pháp luật liên quan đến quan hệ lao động để bảo vệ lợi ích cho chính bản thân người lao động hoặc cho doanh nghiệp; phân tích, đánh giá các vấn đề pháp lý liên quan đến lĩnh vực lao động; vận dụng các quy định của pháp luật để giải quyết các tình huống xảy ra trên thực tế. Từ đó, người học có nhận thức, xử sự đúng đắn khi tham gia vào

quan hệ lao động; tôn trọng và tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật lao động khi tham gia thực hiện các công việc chuyên môn.

4) Chuẩn đầu ra của học phần (Chuẩn đầu ra được phân nhiệm ở mức M trong ma trận mối quan hệ CĐR của CTĐT với các học phần)

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Hiểu được cấu trúc và nội dung của Luật Lao động; hiểu được cơ sở pháp lý, các quy định pháp luật liên quan đến quan hệ lao động, hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, tiền lương, kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất.	Kiến thức
CLO2	Phân tích và so sánh được bản chất của hợp đồng lao động và các loại hợp đồng khác; Phân biệt được trách nhiệm kỷ luật với các trách nhiệm pháp lý khác; Phân biệt các loại tranh chấp lao động; phân tích quy định pháp luật về giải quyết các tranh chấp lao động.	Kiến thức
CLO3	Hình thành và phát triển năng lực thu thập, hệ thống hoá thông tin về Luật Lao động. Phát triển kỹ năng lập luận, thuyết trình, làm việc nhóm; rèn luyện tư duy phản biện.	Kỹ năng
CLO4	Phân tích, tổng hợp và vận dụng các quy định pháp luật lao động để giải quyết các vấn đề, tình huống pháp lý, tự mình bảo vệ quyền lợi khi tham gia quan hệ lao động, có thể tư vấn cho các bên trong quan hệ lao động trên cơ sở tuân thủ pháp luật.	Kỹ năng
CLO5	Tích cực nâng cao trình độ nhận thức về pháp luật lao động, có tinh thần trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp; Chủ động vận dụng các kiến thức đã học trong phân tích và giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn	Tự chủ và trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
1	Chương 1: Tổng quan về Luật lao động 1.1. Khái niệm về Luật lao động 1.2. Đối tượng điều chỉnh và phương pháp	2		5	CLO1	Thuyết giảng	[1]; [3]	Đọc chương 1 giáo trình Luật Lao động; Đọc chương I Bộ luật lao

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
	điều chỉnh của Luật lao động 1.3. Các nguyên tắc cơ bản của Luật lao động. 1.4. Hệ thống và nguồn của Luật lao động							động 2019
2	Chương 2: Hợp đồng lao động 2.1. Khái niệm và đặc điểm của hợp đồng lao động 2.2. Giao kết hợp đồng lao động 2.3. Thực hiện hợp đồng lao động 2.4. Chấm dứt hợp đồng lao động	5	3	20	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Giải quyết tình huống pháp lý	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Đọc chương 4 giáo trình Luật Lao động; Đọc quy định pháp luật về hợp đồng lao động tại chương III Bộ Luật Lao động 2019 và văn bản hướng dẫn thi hành
3	Chương 3: Đối thoại xã hội trong quan hệ lao động, thương lượng tập thể và thoả ước lao động tập thể 3.1. Đối thoại xã hội trong quan hệ lao động 3.2. Thương lượng tập thể 3.3. Thoả ước lao động tập thể	5		10	CLO1 CLO3 CLO4	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm;	[1]; [2]; [3]; [4];	Làm bài tập chương 2 Đọc chương 5 giáo trình; Đọc quy định về đối thoại tại nơi làm việc, thương lượng tập thể, thoả ước lao động tập thể tại chương V

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
								Bộ luật lao động 2019 và văn bản hướng dẫn thi hành
	Chương 4: Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi 4.1. Khái niệm chung về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi 4.2. Nguyên tắc pháp lý cơ bản của thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi	3	2	10	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Giải quyết tình huống pháp lý	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Làm bài tập chương 3; Đọc chương 6 giáo trình Luật lao động; Đọc quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi chương VII Bộ luật lao động 2019 và văn bản hướng dẫn thi hành
4	4.3. Quy định pháp luật về thời giờ làm việc 4.4. Quy định pháp luật về thời giờ nghỉ ngơi 4.5. Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi đối với một số lao động làm những công việc có tính chất đặc biệt							
	Chương 5: Tiền lương 5.1. Khái niệm và nguyên tắc điều chỉnh của tiền lương 5.2. Chế độ tiền lương 5.3. Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động và người lao động trong lĩnh vực trả lương	5		10	CLO1 CLO3 CLO4	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm;	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Làm bài tập chương 4 Đọc chương 6 Luật Lao động; Đọc quy định pháp luật về tiền lương tại chương VI Bộ luật lao động 2019 và văn bản hướng dẫn
5								

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
								thi hành
6	Chương 6: An toàn lao động và vệ sinh lao động 6.1. Khái niệm an toàn lao động, vệ sinh lao động. 6.2. Nguyên tắc cơ bản của pháp luật an toàn lao động, vệ sinh lao động 6.3. Các quy định của pháp luật về an toàn lao động, vệ sinh lao động 6	3	2	10	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Giải quyết tình huống pháp lý	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Làm bài tập chương 5 Đọc chương 6 giáo trình Luật Lao động; Đọc quy định pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động tại chương IX Bộ Luật Lao động 2019 và văn bản hướng dẫn thi hành
7	Chương 7: Kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất 7.1. Kỷ luật lao động 7.2. Trách nhiệm vật chất	5		10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Giải quyết tình huống	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Làm bài tập chương 6 Đọc chương 7 giáo trình Luật Lao động; Đọc quy định pháp luật về kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất tại chương VIII Bộ luật lao động 2019 và văn bản hướng dẫn

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
								thi hành
8	Chương 8: Giải quyết tranh chấp lao động và đình công 8.1. Tranh chấp lao động 8.2. Đình công	5	3	25	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Giải quyết tình huống pháp lý; Báo cáo chuyên đề.	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Làm bài tập chương 7 Đọc chương 8 Giáo trình Luật Lao động; Đọc quy định pháp luật về giải quyết tranh chấp lao động tại chương XIV Bộ luật lao động 2019 và văn bản hướng dẫn thi hành
9	Chương 9: Quản lý nhà nước trong lĩnh vực lao động 9.1. Khái niệm, vai trò của nhà nước trong lao động 9.2. Nội dung quản lý nhà nước về lao động 9.3. Cơ quan quản lý nhà nước về lao động	2		5	CLO3 CLO5	Thuyết giảng; Báo cáo chuyên đề.	[1]; [2]; [3];	Làm bài tập chương 8; Đọc chương 9 Giáo trình Luật Lao động; Đọc quy định pháp luật về quản lý nhà nước về lao động tại chương XV Bộ luật lao động 2019

6) Phương pháp dạy – học

6.1. Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi, làm bài tập	Giáo trình chính; Bộ luật lao động 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành
2	Thảo luận nhóm	Phân chia nhóm, trao đổi, thảo luận nhóm, trình bày, nộp sản phẩm thảo luận	Chủ đề thảo luận Giáo trình chính; Bộ luật lao động 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành
3	Báo cáo chuyên đề	Phân chia chuyên đề, phân nhóm, từng nhóm báo cáo và trao đổi thảo luận	Chuyên đề viết báo cáo. Giáo trình chính; Bộ luật lao động 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành

6.2. Thực hành

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thực hành tại lớp	Xây dựng các tình huống pháp lý hướng dẫn người học vận dụng các kiến thức pháp lý để giải quyết các tình huống đó.	Giáo trình chính; Bộ luật lao động 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành; Tình huống giả định

6.3. Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc:

- Hướng dẫn và chia nhóm: mỗi nhóm tối đa 5 sinh viên, bầu nhóm trưởng và thư ký nhóm.
- Nhóm trưởng nhận chủ đề nghiên cứu và báo cáo từ giảng viên đứng lớp.
- Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm triển khai các công việc (ghi nhận, đánh giá chất lượng và thời gian thực hiện của các thành viên).
- Hoàn thành sản phẩm theo yêu và thời gian giảng viên yêu cầu.
- Nghiên cứu giáo trình chính và làm bài tập cuối mỗi chương.

7) Tài liệu dạy và học

❖ Tài liệu giảng dạy (giáo trình chính)

- (1) Trường Đại học Luật Hà Nội. 2021. Giáo trình Luật Lao động Việt Nam (Tập I,II), NXB Công an nhân dân.
- (2) Văn bản quy phạm pháp luật:
 - Quốc hội, Bộ luật lao động 2019
 - Quốc hội, Luật An toàn, vệ sinh lao động 2015
 - Chính phủ, Nghị định số 145/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động
 - Bộ Lao động, Thương binh và xã hội, Thông tư số 10/TT- BLĐTBXH quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về nội dung của hợp đồng lao động, hội đồng thương lượng tập thể và nghề, công việc có ảnh hưởng tới chức năng sinh sản, nuôi con

- Bộ Lao động, Thương binh và xã hội, Thông tư số 28/TH- BLĐTBXH quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về chế độ đối với người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

❖ **Tài liệu hướng dẫn tự học**

- **Tiếng Việt**

(1) Trường Đại học Luật TP Hồ Chí Minh. 2023. Giáo trình Luật Lao động, NXB Hồng Đức

(2) Nguyễn Hữu Chí, Nguyễn Văn Bình. 2023. Bình luận khoa học Bộ luật Lao động năm 2019. 2023, NXB Tư pháp

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2. Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Chuẩn bị bài báo cáo chuyên đề	Chấm bài báo cáo	Bài báo cáo chuyên đề hoàn thành
Làm bài tập	Chấm điểm bài tập	Bài tập hoàn thành

8.3. Phương pháp đánh giá học phần

Nội dung		Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Tích cực tham gia hoạt động trên lớp[1]	10%
	Kiểm tra thường xuyên	Thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề[2]	30%
		Trắc nghiệm, tự luận[3]	
		Bài tập tự học[4]	
Đánh giá kết thúc	Thi kết thúc	Trắc nghiệm, tự luận[3]	60%
		Hoặc tiểu luận cá nhân[5]	

9) Ma trận

9.1. Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

PLOs CLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO1			M							
CLO2			M							
CLO3								M		
CLO4								M		
CLO5									M	

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết giảng	X	X			
Thảo luận nhóm	X		X	X	X
Báo cáo chuyên đề	X	X	X		X
Thực hành tại lớp			X	X	

9.3. Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

CLOs Phương pháp đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Tích cực tham gia hoạt động trên lớp	X	X	X		X
Thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề	X	X	X		X
Trắc nghiệm, tự luận	X		X	X	X
Bài tập tự học		X	X	X	X
Tiểu luận cá nhân	X		X	X	X

10. CÁC RUBRIC/THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

10.1 Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài.	10 điểm
Vắng học: < 10%, có phát biểu xây dựng bài.	7-9 điểm
Vắng học: từ 10% đến < 15%, có phát biểu xây dựng bài.	5-7 điểm
Vắng học: từ 15% đến < 20%.	3-5 điểm
Vắng học: từ 20% đến < 25%.	0 – 3 điểm
Vắng học: > 25%	0 điểm

10.2 Đánh giá điểm bài tập trắc nghiệm, tự luận

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5≤10)
Nội dung trắc nghiệm	- Không chọn đúng được các câu hỏi kiến thức cơ bản	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)
Nội dung tự luận	Không làm được được các câu hỏi	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức

	kiến thức cơ bản	cơ bản	cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	cơ bản và khó (80%≤90%)	cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)
--	------------------	--------	-----------------------------------	-------------------------	-----------------------------------

10.3 Đánh giá điểm bài tập tự học

Số bài tập tự học được giao	Mức cho điểm
Làm bài tập đầy đủ (90%≤100%)	10 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (80%≤90%)	7-9 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (50%≤80%)	5-7 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (30%≤50%)	3-5 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (≤30%)	0 – 3 điểm
Không làm bài tập	0 điểm.

10.4 Rubric: Báo cáo chuyên đề/ Thảo luận nhóm

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
2. Nội dung báo cáo phù hợp, cập nhật	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
3. Phong cách trình bày	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
4. Trả lời các câu hỏi đặt ra	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

10.5 Rubric: Tiểu luận cá nhân cuối kỳ

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
2. Phương pháp nghiên cứu	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
3. Nội dung tiểu luận phù hợp, cập nhật	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
4. Hàm ý kiến nghị đề xuất	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 9 năm 2024

TUQ. Hiệu trưởng
Trưởng phòng QLĐT

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

PGS.TS. Phan Thị Hằng Nga

TS. Đoàn Ngọc Phúc

TS. Tô Thị Đông Hà

ThS. Nguyễn Thị Thái Thuận

PHỤ LỤC
DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM GIA GIẢNG
DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

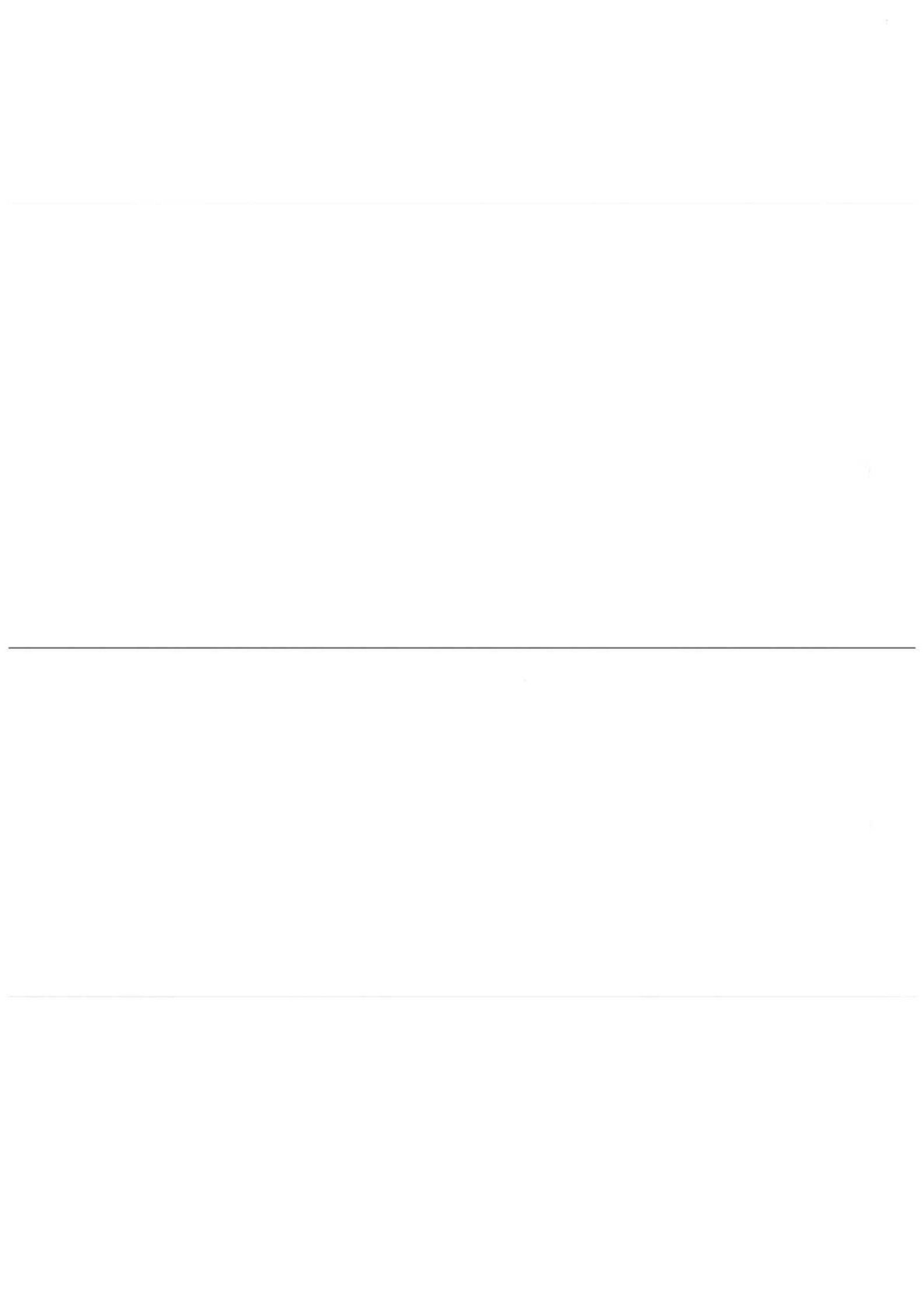
Họ và tên: Nguyễn Thị Thái Thuận	Học hàm, học vị: thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, Tp HCM.	Điện thoại liên hệ: 0983819282
Email: nguyenthuan@ufm.edu.vn	Trang web: https://ufm.edu.vn
Cách liên lạc với giảng viên: bằng email hoặc tại văn phòng Khoa Kinh tế - Luật	

Giảng viên hỗ trợ học phần/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	



BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH- MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần (tiếng Việt): Luật Đất đai và Kinh doanh bất động sản

Tên học phần (tiếng Anh): Law on Land and Real Estate Business

1) Thông tin chung

- Mã số học phần: 011253
- Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 3 Thực hành: 0
- Phân bố thời gian (giờ): 45 Lý thuyết: 30 Thực hành: 15
- Số giờ tự học (giờ): 105
- Khoa Quản lý học phần: Khoa Kinh tế- Luật
- Đối tượng người học: dành cho sinh viên năm thứ 3 - Chương trình Chuẩn
- Học phần thuộc ngành: Luật Kinh tế
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☒						
		Cơ sở ngành ☐		Ngành ☐			Chuyên ngành ☒	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bổ trợ ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐

- Điều kiện tiên quyết gồm:

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần học trước: Luật Thương mại, Luật Hành chính và tổ tụng hành chính

Học phần song hành: Không

2) Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Luật Đất đai và kinh doanh bất động sản là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Đầu tư - Kinh doanh. Nội dung học phần tập trung cung cấp kiến thức liên quan những vấn đề chung về đất đai, chế độ quản lý nhà nước về đất đai và chế độ pháp lý về sử dụng đất; những quy định của pháp luật về quản lý Nhà nước đối với hoạt động kinh doanh bất động sản; đối tượng, phạm vi, điều kiện và các nguyên tắc trong đầu tư, kinh doanh bất động sản; các hình thức kinh doanh bất động sản và kinh doanh dịch vụ bất động sản; quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong kinh doanh bất động sản.

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Học phần này hướng đến cung cấp kiến thức, kỹ năng cho người học để người học có khả năng vận dụng pháp luật về đất đai và kinh doanh bất động sản trong thực tiễn; tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong học tập và thực hiện pháp luật đất đai và kinh doanh bất động sản.

4) Chuẩn đầu ra của học phần (Chuẩn đầu ra được phân nhiệm ở mức M trong ma trận mối quan hệ CDR của CTĐT với các học phần)

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Phân tích được những vấn đề lý luận về luật đất đai và sở hữu toàn dân về đất đai; chế độ quản lý đất đai; địa vị pháp lý của người sử dụng đất; thanh tra, giám sát xử lý vi phạm, giải quyết tranh chấp khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực đất đai	Kiến thức
CLO2	Đánh giá được những vấn đề tổng quan về thị trường bất động sản và pháp luật kinh doanh bất động sản; những vấn đề pháp lý chung về kinh doanh bất động sản; những vấn đề pháp lý về kinh doanh quyền sử dụng đất và kinh doanh nhà ở, công trình xây dựng trên đất; những vấn đề pháp lý về kinh doanh dịch vụ bất động sản; pháp luật về hợp đồng trong kinh doanh bất động sản	Kiến thức
CLO3	Thành thạo trong việc đánh giá vai trò của nhà nước đối với đất đai và hoạt động kinh doanh bất động sản; những tồn tại trong thực thi các nguyên tắc, các quy định về đất đai và kinh doanh bất động sản	Kỹ năng
CLO4	Thực hiện tốt việc nhận diện được sai lầm, những trường hợp hợp đồng vô hiệu, những tranh chấp phổ biến kinh doanh bất động sản	Kỹ năng
CLO5	Giữ vững đạo đức trong thực hiện và tư vấn pháp luật về đất đai và kinh doanh bất động sản. Khách quan trong đánh giá và chịu trách nhiệm khi giải quyết các tình huống về kinh doanh bất động sản.	Tự chủ và trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
1	Chương 1: PHÁP LUẬT VỀ ĐẤT ĐAI 1.1 Khái quát chung về	6	3	21	CLO1; CLO5	Thuyết giảng	[1]; [3]; [5].	Đọc Giáo

	Luật đất đai 1.2. Quan hệ pháp luật đất đai 1.3. Quản lý nhà nước về đất đai 1.4. Địa vị pháp lý của người sử dụng đất 1.5. Thủ tục hành chính về đất đai							trình chính [1]
2	CHƯƠNG 2 NHỮNG VẤN ĐỀ PHÁP LÝ CHUNG VỀ KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN 2.1. Quản lý Nhà nước đối với hoạt động kinh doanh bất động sản 2.1.1. Chính sách của Nhà nước đối với đầu tư kinh doanh bất động sản 2.1.2. Trách nhiệm quản lý Nhà nước trong kinh doanh bất động sản 2.1.2.1. Tạo lập hàng hóa bất động sản 2.1.2.2. Tài chính và thuế trong kinh doanh bất động sản 2.1.2.3. Các thể chế trung gian trong kinh doanh bất động sản 2.1.2.4. Thanh tra, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm và giải quyết tranh chấp trong kinh doanh bất động sản 2.2. Nguyên tắc, điều kiện và phạm vi của hoạt động kinh doanh bất động sản 2.2.1. Nguyên tắc kinh doanh bất động sản 2.2.2. Điều kiện kinh doanh bất động sản 2.2.2.1. Chủ thể kinh	6	3	21	CLO2; CLO3; CLO5.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm;	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Đọc chương I, VI tài liệu chính [2]

	doanh bất động sản 2.2.2.2. Đối tượng kinh doanh bất động sản 2.2.3. Phạm vi kinh doanh bất động sản							
	CHƯƠNG 3: NHỮNG VẤN ĐỀ PHÁP LÝ VỀ KINH DOANH QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT VÀ KINH DOANH NHÀ Ở, CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG GẮN LIỀN VỚI ĐẤT 3.1. Những vấn đề pháp lý về kinh doanh quyền sử dụng đất trong thị trường bất động sản 3.1.1. Khái niệm và đặc	6	3	21	CLO2; CLO3; CLO5.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành tại lớp	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Đọc chương II, III tài liệu chính [2]
3	điểm kinh doanh quyền sử dụng đất trong thị trường bất động sản 3.1.2. Phân loại các hình thức kinh doanh quyền sử dụng đất trong thị trường bất động sản 3.2. Những vấn đề pháp lý về kinh doanh nhà, công trình xây dựng trong thị trường bất động sản 3.2.1. Khái niệm và phân loại nhà, công trình xây dựng trong thị trường bất động sản 3.2.2. Khái niệm, đặc điểm kinh doanh nhà, công trình xây dựng trong thị trường bất động sản 3.2.3. Phân loại các hình thức kinh doanh nhà, công trình xây dựng trong thị trường bất động sản							

	3.2.4. Nội dung pháp luật điều chỉnh các hình thức kinh doanh nhà, công trình xây dựng trong thị trường bất động sản							
4	CHƯƠNG 4: NHỮNG VẤN ĐỀ PHÁP LÝ VỀ KINH DOANH DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN 4.1. Khái niệm và đặc điểm của kinh doanh dịch vụ bất động sản 4.1.1. Khái niệm và đặc điểm kinh doanh dịch vụ bất động sản 4.1.2. Phân loại các hình thức kinh doanh dịch vụ bất động sản 4.2. Nội dung pháp luật về kinh doanh dịch vụ bất động sản 4.2.1. Kinh doanh dịch vụ môi giới bất động sản 4.2.2. Kinh doanh dịch vụ tư vấn bất động sản 4.2.3. Kinh doanh dịch vụ quản lý bất động sản 4.2.4. Kinh doanh dịch vụ sàn giao dịch bất động sản	6	3	21	CLO2; CLO3; CLO5.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành tại lớp	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Đọc chương IV tài liệu chính [2]
5	CHƯƠNG 5: PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG TRONG KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN 5.1. Những vấn đề pháp lý về hợp đồng kinh doanh bất động sản 5.1.1. Khái niệm và đặc điểm của hợp đồng kinh doanh bất động sản 5.1.2. Phân loại hợp	6	3	21	CLO2; CLO4; CLO5.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành tại lớp	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Làm Đọc chương I tài liệu chính [2]

đồng kinh doanh bất động sản 5.1.3. Hình thức và hiệu lực của hợp đồng kinh doanh bất động sản 5.1.4. Nội dung cụ thể của pháp luật điều chỉnh hợp đồng kinh doanh bất động sản 5.2. Những vấn đề pháp lý về hợp đồng kinh doanh dịch vụ bất động sản 5.2.1. Khái niệm và đặc điểm của hợp đồng kinh doanh dịch vụ bất động sản 5.2.2. Phân loại hợp đồng kinh doanh dịch vụ bất động sản							
5.2.3. Hình thức và hiệu lực của hợp đồng kinh doanh dịch vụ bất động sản 5.2.4. Nội dung cụ thể của pháp luật về các loại hợp đồng kinh doanh dịch vụ bất động sản Ôn tập+ giải đáp thắc mắc Kiểm tra							
Tổng	30	15	105				

6) Phương pháp dạy – học

6.1. Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi, làm bài tập	Giáo trình chính
2	Thảo luận nhóm	Phân chia nhóm, trao đổi, thảo luận nhóm, trình bày, nộp sản phẩm thảo luận	Chủ đề thảo luận Giáo trình chính
3	Báo cáo chuyên đề	Phân chia chuyên đề, phân nhóm,	Giáo trình chính

		từng nhóm báo cáo chủ đề nghiên cứu được giao hoặc kết quả tham dự phiên tòa liên quan đến học phần và trao đổi thảo luận	Chuyên đề viết báo cáo; hoặc Clip phiên tòa giả định hoặc vụ việc trong phiên tòa trực tuyến
--	--	---	--

6.2. Thực hành

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thực hành tại lớp	Vận dụng các kiến thức lý thuyết để thực hiện nhiệm vụ bài tập, tình huống cụ thể mà GV đưa ra	-Giáo trình chính -Bài tập

6.3. Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc:

- Hướng dẫn và chia nhóm: mỗi nhóm tối đa 5-8 sinh viên, bầu nhóm trưởng và thư ký nhóm.
- Nhóm trưởng nhận chủ đề nghiên cứu và báo cáo từ giảng viên đứng lớp.
- Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm triển khai các công việc (ghi nhận, đánh giá chất lượng và thời gian thực hiện của các thành viên).
- Hoàn thành sản phẩm theo yêu cầu và thời gian giảng viên yêu cầu.
- Nghiên cứu giáo trình chính và làm bài tập cuối mỗi chương.

7) Tài liệu dạy và học

❖ Văn bản quy phạm pháp luật:

- Bộ luật Dân sự 2015;
- Luật Kinh doanh bất động sản năm 2024;
- Luật Đất đai năm 2024;
- Luật Nhà ở năm 2024;
- Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung vào năm 2014, 2017 và 2020)
- Luật Xây dựng năm 2014 (được sửa đổi, bổ sung vào năm 2018, 2019, và 2020);
- Luật Khiếu nại năm 2011 (được sửa đổi, bổ sung vào năm 2014 và 2021);
- Luật Tố cáo năm 2018;
- Luật Doanh nghiệp năm 2020;
- Luật Đầu tư năm 2020;
- Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan

❖ Tài liệu giảng dạy (giáo trình chính):

- (1) Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh. 2021. Giáo trình Luật Đất đai, NXB Hồng Đức.

(2) Lưu Quốc Thái. Pháp luật kinh doanh bất động sản. 2022. Nxb.ĐHQG TPHCM.

❖ **Tài liệu hướng dẫn tự học:**

- Tiếng Việt

(1) Tạ Đình Tuyên và Nguyễn Văn Huy. 2024. Bình luận khoa học Luật Đất đai năm 2024. NXB. Lao động.

(2) Nguyễn Thị Ngọc Hoa. 2024. Luật Đất đai năm 2024 và án lệ giải quyết vụ án, vụ việc về đất đai trong thực tiễn xét xử. Nxb. Công an nhân dân.

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá:

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2. Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Chuẩn bị bài báo cáo chuyên đề	Chấm bài báo cáo	Bài báo cáo chuyên đề hoàn thành
Làm bài tập	Chấm điểm bài tập	Bài tập hoàn thành

8.3. Phương pháp đánh giá học phần:

Nội dung		Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Tích cực tham gia hoạt động trên lớp[1]	10%
	Kiểm tra thường xuyên	Thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề[2]	30%
		Trắc nghiệm, tự luận[3]	
		Bài tập tự học[4]	
Đánh giá kết thúc	Thi kết thúc	Trắc nghiệm hoặc/và tự luận[3]	60%
		Hoặc tiểu luận cá nhân[5]	

9) Ma trận

9.1. Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

PLOs CLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO1			M							
CLO2			M							

CLO3								M		
CLO4								M		
CLO5									M	

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết giảng	X	X			
Thảo luận nhóm		X	X	X	X
Báo cáo chuyên đề	X	X			X
Thực hành tại lớp			X	X	

9.3. Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

CLOs Phương pháp đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Tích cực tham gia hoạt động trên lớp	X	X	X		X
Thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề	X	X			X
Trắc nghiệm, tự luận	X	X			X
Bài tập tự học			X	X	X
Trắc nghiệm, tự luận	X	X			X
Tiểu luận cá nhân	X	X			X

10. CÁC RUBRIC/THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

10.1 Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài.	10 điểm
Vắng học: < 10%, có phát biểu xây dựng bài.	7-9 điểm
Vắng học: từ 10% đến < 15%, có phát biểu xây dựng bài.	5-7 điểm
Vắng học: từ 15% đến < 20%.	3-5 điểm
Vắng học: từ 20% đến < 25%.	0 – 3 điểm
Vắng học: > 25%	0 điểm

10.2 Đánh giá điểm bài tập trắc nghiệm, tự luận

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5-10)
Nội dung trắc nghiệm	- Không chọn đúng được các câu hỏi kiến thức cơ bản	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)
Nội dung tự luận	Không làm được được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)

10.3 Đánh giá điểm bài tập tự học

Số bài tập tự học được giao	Mức cho điểm
Làm bài tập đầy đủ (90%≤100%)	10 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (80%≤90%)	7-9 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (50%≤80%)	5-7 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (30%≤50%)	3-5 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (≤30%)	0 – 3 điểm
Không làm bài tập	0 điểm.

10.4 Rubric: Báo cáo chuyên đề/ Thảo luận nhóm

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Nội dung báo cáo phù hợp, cập nhật 3. Phong cách trình bày 4. Trả lời các câu hỏi đặt ra	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

10.5 Rubric: Tiểu luận cá nhân cuối kỳ

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Phương pháp nghiên cứu 3. Nội dung tiểu luận phù hợp, cập nhật 4. Hàm ý kiến nghị đề xuất	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí

	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 9 năm 2024

TUQ. hiệu trưởng
Trưởng phòng QLĐT

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn






PGS.TS. Phan Thị Hằng Nga

TS. Đoàn Ngọc Phúc

TS. Tô Thị Đông Hà

TS. Tô Thị Đông Hà

PHỤ LỤC

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Tô Thị Đông Hà	Học hàm, học vị: Tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh	Điện thoại liên hệ: 0987685977
Email: toha@ufm.edu.vn	Trang web: https://ufm.edu.vn
Cách liên lạc với giảng viên: bằng email hoặc tại văn phòng Khoa Kinh tế - Luật	

Giảng viên hỗ trợ học phần/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần (tiếng Việt): Kỹ năng tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp

Tên học phần (tiếng Anh): Skills of Consulting law for Business

1) Thông tin chung

- Mã số học phần: 011832
- Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 2 Thực hành: 1
- Phân bố thời gian (giờ): 45 Lý thuyết: 20 Thực hành: 25
- Số giờ tự học (giờ): 105
- Khoa Quản lý học phần: Khoa Kinh tế - Luật
- Đối tượng người học: dành cho sinh viên năm thứ 3 - Chương trình chuẩn
- Học phần thuộc ngành: Luật kinh tế
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☒						
		Cơ sở ngành ☐		Ngành ☐			Chuyên ngành ☒	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bổ trợ ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☒

- Điều kiện tiên quyết gồm:

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần học trước: Luật doanh nghiệp, Luật thương mại, Luật Lao động, Luật đầu tư, Luật dân sự,

Học phần song hành: Không

2) Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Kỹ năng tư vấn pháp luật là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Đầu tư - Kinh doanh. Nội dung học phần tập trung cung cấp kiến thức tổng quan về nghề pháp chế/tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp và các kỹ năng cần thiết, quan trọng để thực hiện các công việc của chuyên viên pháp chế trong doanh nghiệp như: tư vấn cho người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp và hệ thống nội bộ của doanh nghiệp các vấn đề pháp lý liên quan như lao động – tiền lương, xử lý tranh chấp, ủy quyền hành chính...

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Học phần này hướng đến cung cấp kiến thức, kỹ năng cho người học để người học

có khả năng thực hiện thành thạo các công việc của người làm pháp chế/tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp.

4) Chuẩn đầu ra của học phần (Chuẩn đầu ra được phân nhiệm ở mức A trong ma trận mối quan hệ CĐR của CTĐT với các học phần)

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Giải thích được cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn các quy định pháp luật liên quan đến công tác tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp: pháp luật về quản trị nội bộ doanh nghiệp, về lao động, về đầu tư, ...	Kiến thức
CLO2	Thành thạo trong việc sử dụng kỹ năng phân biện hoặc đáp ứng các yêu cầu của doanh nghiệp đối với vấn đề cần tư vấn pháp lý. Giao tiếp tốt, thuyết phục được đối tác trong việc tuân thủ pháp luật	Kỹ năng
CLO3	Thực hiện tốt việc nhận diện các hành vi vi phạm pháp luật phổ biến của doanh nghiệp và đưa ra được phương án tư vấn phù hợp.	Kỹ năng
CLO4	Làm việc độc lập/làm việc theo nhóm, chủ động giải quyết công việc, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm	Tự chủ và trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
1	Chương 1: Công việc của người làm pháp chế doanh nghiệp 1.1 Lựa chọn nghề pháp chế doanh nghiệp 1.2 Công việc pháp chế doanh nghiệp 1.3 Một số yêu cầu của người làm pháp chế doanh nghiệp 1.4 Thăng tiến trong nghề pháp chế doanh nghiệp 1.5 Rủi ro trong nghề pháp chế doanh nghiệp	3	0	11	CLO1	Thuyết giảng	[1]; [3]; [5].	Đọc chương 1 Tài liệu tham khảo [1]
2	Chương 2: Một số kiến thức pháp luật về vốn, nghĩa vụ tài sản công ty	3	4	11	CLO1; CLO2; CLO3;	Thuyết giảng; Thảo	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Đọc chương 5 Giáo

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
	mà nhân sự pháp chế doanh nghiệp cần biết 2.1 Góp vốn điều lệ thành lập công ty 2.2 Nghĩa vụ tài sản của doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp				CLO4.	luận nhóm; Thực hành tại lớp; Báo cáo chuyên đề.		trình Văn bản pháp luật liên quan
3	Chương 3: Một số kiến thức pháp luật về tổ chức, quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần mà nhân sự pháp chế doanh nghiệp cần biết 3.1 Cơ cấu, mô hình tổ chức và quản lý công ty 3.2 Ra quyết định trong quản lý, điều hành công ty 3.3 Tranh chấp nội bộ tiềm ẩn trong hoạt động quản trị công ty	4	4	11	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành tại lớp; Báo cáo chuyên đề.	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Làm bài tập Chương 2 Đọc chương 2 Giáo trình chính Văn bản pháp luật liên quan
4	Chương 4: Một số kiến thức pháp luật về thẩm quyền nội bộ và đại diện trong công ty mà nhân sự pháp chế cần biết 4.1 Thẩm quyền nội bộ trong công ty về tài liệu nội bộ về quản trị công ty 4.2 Thẩm quyền nội bộ trong công ty về nhân sự quản lý, điều hành công ty 4.3 Quan hệ đại diện trong doanh nghiệp	4	4	11	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành tại lớp; Báo cáo chuyên đề.	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Làm bài tập Chương 3 Đọc chương 2 Giáo trình chính Văn bản pháp luật liên quan
5	Chương 5: Một số kiến thức pháp luật cơ bản về hợp đồng mà nhân sự pháp chế cần biết	4	4	11	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4.	Thuyết giảng; Thảo luận	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Làm bài tập Chương 4

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
	5.1 Yêu cầu pháp lý của một bản dự thảo hợp đồng và vai trò của người soạn thảo 5.2 Đại diện giao kết hợp đồng và thẩm quyền nội bộ về hợp đồng trong công ty 5.3 Hợp đồng nguyên tắc					nhóm; Thực hành tại lớp; Báo cáo chuyên đề.		Đọc chương 7 Tài liệu tham khảo [1] Văn bản pháp luật liên quan
	Chương 6: Kỹ năng tư vấn pháp luật của nhân sự pháp chế doanh nghiệp 6.1 Kỹ năng xác định yêu cầu tư vấn	4	5	12	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành tại lớp; Báo cáo chuyên đề.	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Làm bài tập Chương 5 Đọc chương
6	6.2 Kỹ năng thu thập hồ sơ, tài liệu, thông tin và tóm tắt nội dung vụ việc 6.3 Kỹ năng xác định quan hệ pháp luật vụ việc cần tư vấn 6.4 Kỹ năng xác định văn bản áp dụng 6.5 Kỹ năng xác định các vấn đề pháp lý cần giải quyết 6.6 Kỹ năng giải quyết các vấn đề pháp lý 6.7 Kỹ năng xây dựng phương án pháp lý 6.8 Kỹ năng viết, trình bày báo cáo pháp lý, thư tư vấn							3,4,7,8 Giáo trình chính Văn bản pháp luật liên quan
7	Chương 7: Kỹ năng xây dựng tài liệu quản trị nội bộ và soạn thảo văn bản của nhân sự pháp chế doanh nghiệp	4	5	12	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành tại lớp;	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Làm bài tập Chương 6 Đọc chương 2 Giáo trình

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
	7.1 Yêu cầu pháp lý của văn bản mà nhân sự pháp chế soạn thảo 7.2 Xây dựng, sửa đổi tài liệu nội bộ 7.3 Kỹ năng xây dựng, sửa đổi tài liệu quản trị nội bộ					Báo cáo chuyên đề.		chính Văn bản pháp luật liên quan
8	Chương 8: Kỹ năng tham gia giải quyết tranh chấp của nhân sự pháp chế doanh nghiệp 8.1 Các công việc tham gia giải quyết tranh chấp 8.2 Kỹ năng tư vấn về khởi kiện 8.3 Kỹ năng tham gia hòa giải 8.4 Kỹ năng chuẩn bị, tham gia tranh tụng	4	4	11	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành tại lớp; Báo cáo chuyên đề.	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Làm bài tập Chương 7 Đọc chương 9 Tài liệu tham khảo [1] Văn bản pháp luật liên quan
	Tổng	30	30	90				

6) Phương pháp dạy – học

6.1. Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi, làm bài tập	Giáo trình Tài liệu tự học [1] VBPL liên quan
2	Thảo luận nhóm	Phân chia nhóm, trao đổi, thảo luận nhóm, trình bày, nộp sản phẩm thảo luận	Chủ đề thảo luận Giáo trình Tài liệu tự học [1] VBPL liên quan
3	Báo cáo chuyên đề	Phân chia chuyên đề, phân nhóm, từng nhóm báo cáo và trao đổi thảo luận	Chuyên đề viết báo cáo. Giáo trình Tài liệu tự học [1] VBPL liên quan

6.2. Thực hành

TT	Phương pháp	Phương pháp học tập	Vật liệu giảng dạy
----	-------------	---------------------	--------------------

	dạy	trên lớp	
1	Thực hành tại lớp	Xây dựng các tình huống pháp lý hướng dẫn người học vận dụng các kiến thức pháp lý để giải quyết các tình huống đó.	Giáo trình Tài liệu tự học [1] Văn bản pháp luật liên quan Bài tập

6.3. Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc:

- Hướng dẫn và chia nhóm: mỗi nhóm tối đa 5 sinh viên, bầu nhóm trưởng và thư ký nhóm.
- Nhóm trưởng nhận chủ đề nghiên cứu và báo cáo từ giảng viên đứng lớp.
- Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm triển khai các công việc (ghi nhận, đánh giá chất lượng và thời gian thực hiện của các thành viên).
- Hoàn thành sản phẩm theo yêu và thời gian giảng viên yêu cầu.
- Nghiên cứu giáo trình chính, tài liệu tự học [1] [2] và làm bài tập cuối mỗi chương.

7) Tài liệu dạy và học

❖ Tài liệu giảng dạy:

Học viện tư pháp. 2020. Giáo trình Kỹ năng tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp, NXB. Tư pháp

❖ Tài liệu hướng dẫn tự học:

- Tiếng Việt

(1) Lê Văn Dung, Nguyễn Như Quỳnh. 2021. Pháp chế doanh nghiệp - những kỹ năng cơ bản, NXB. Thanh niên

(2) Lê Văn Dung. 2022. Đường vào nghề pháp chế doanh nghiệp, NXB. Thanh niên

- Tiếng Anh: Không

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá:

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2. Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Chuẩn bị bài báo cáo chuyên đề	Chấm bài báo cáo	Bài báo cáo chuyên đề hoàn thành
Làm bài tập	Chấm điểm bài tập	Bài tập hoàn thành

8.3. Phương pháp đánh giá học phần:

Nội dung	Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Tích cực tham gia hoạt động trên lớp[1]
	Kiểm tra thường xuyên	Thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề[2]
		5%
		35%

		Trắc nghiệm, tự luận[3]	
		Bài tập tự học[4]	
Đánh giá kết thúc	Thi kết thúc	Trắc nghiệm, tự luận[3]	60%
		Hoặc tiểu luận cá nhân[5]	

9) Ma trận

9.1. Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

PLOs CLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO1				A						
CLO2							M			
CLO3							M			
CLO4										A

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết giảng	X	X	X	
Thảo luận nhóm	X	X	X	X
Báo cáo chuyên đề	X	X	X	X
Thực hành tại lớp			X	

9.3. Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

CLOs Phương pháp đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Tích cực tham gia hoạt động trên lớp	X	X	X	X
Thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề	X	X		X
Trắc nghiệm, tự luận	X	X		X
Bài tập tự học			X	X
Tiểu luận cá nhân	X	X		X

10. CÁC RUBRIC/THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

10.1 Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài.	10 điểm
Vắng học: < 10%, có phát biểu xây dựng bài.	7-9 điểm
Vắng học: từ 10% đến < 15%, có phát biểu xây dựng bài.	5-7 điểm
Vắng học: từ 15% đến < 20%.	3-5 điểm
Vắng học: từ 20% đến < 25%.	0 – 3 điểm
Vắng học: > 25%	0 điểm

10.2 Đánh giá điểm bài tập trắc nghiệm, tự luận

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5<10)
Nội dung trắc nghiệm	- Không chọn đúng được các câu hỏi kiến thức cơ bản	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)
Nội dung tự luận	Không làm được được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)

10.3 Đánh giá điểm bài tập tự học

Số bài tập tự học được giao	Mức cho điểm
Làm bài tập đầy đủ (90%≤100%)	10 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (80%≤90%)	7-9 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (50%≤80%)	5-7 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (30%≤50%)	3-5 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (≤30%)	0 – 3 điểm
Không làm bài tập	0 điểm.

10.4 Rubric: Báo cáo chuyên đề/ Thảo luận nhóm

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Nội dung báo cáo phù hợp, cập nhật 3. Phong cách trình bày 4. Trả lời các câu hỏi đặt ra	Kém. (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình	Đạt 2 tiêu chí

	(5.5-6.9)	
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

10.5 Rubric: Tiểu luận cá nhân cuối kỳ

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Phương pháp nghiên cứu 3. Nội dung tiểu luận phù hợp, cập nhật 4. Hàm ý kiến nghị đề xuất	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 9 năm 2024

TUQ. Hiệu trưởng
Trưởng phòng QLĐT

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

PGS.TS. Phan Thị Hằng Nga

TS. Đoàn Ngọc Phúc

TS. Tô Thị Đông Hà

ThS. Thái Thị Tường Vi

PHỤ LỤC
DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM GIA
GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Thái Thị Tường Vi	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, Tp. HCM	Điện thoại liên hệ: 0983921433
Email: thaivi@ufm.edu.vn	Trang web: https://ufm.edu.vn
Cách liên lạc với giảng viên: 0983921433	

Giảng viên hỗ trợ học phần/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH- MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần (tiếng Việt): Kỹ năng soạn thảo hợp đồng

Tên học phần (tiếng Anh): Contract Drafting Skills

1) Thông tin chung

- Mã số học phần: 011813
- Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 3 Thực hành: 0
- Phân bố thời gian (giờ): 45 Lý thuyết: 25 Thực hành: 20
- Số giờ tự học (giờ): 105
- Khoa Quản lý học phần: Khoa Kinh tế - Luật
- Đối tượng người học: dành cho sinh viên năm thứ 3 - Chương trình Chuẩn
- Học phần thuộc ngành: Luật kinh tế
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☒						
		Cơ sở ngành ☐		Ngành ☐			Chuyên ngành ☒	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bổ trợ ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☒

- Điều kiện tiên quyết gồm:

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần học trước: Luật dân sự, Luật thương mại, Luật Lao động

Học phần song hành: Không

2) Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Kỹ năng soạn thảo hợp đồng là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Đầu tư - Kinh doanh. Nội dung học phần tập trung cung cấp kiến thức chung về kỹ năng soạn thảo hợp đồng, kỹ năng soạn thảo các loại điều khoản của hợp đồng, kỹ năng soạn thảo một số hợp đồng cụ thể trong lĩnh vực thương mại, dân sự, lao động.

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Học phần này hướng đến cung cấp kiến thức, kỹ năng cho người học để người học có khả năng phân tích các kiến thức lý thuyết về kỹ năng soạn thảo hợp đồng, thực hành kỹ năng soạn thảo một số hợp đồng thông dụng.

4) Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Trình bày các vấn đề cơ bản của hợp đồng về nội dung và thể thức; xác định được các bước trong quy trình soạn thảo hợp đồng.	Kiến thức
CLO2	Hiểu và phân biệt được hợp đồng dân sự, thương mại lao động.	Kiến thức
CLO3	Phân tích được những rủi ro trong quá trình soạn thảo hợp đồng.	Kỹ năng
CLO4	Vận dụng được kiến thức về hợp đồng để soạn thảo một số hợp đồng thông dụng trong lĩnh vực thương mại, dân sự, lao động.	Kỹ năng
CLO5	Làm việc độc lập/làm việc theo nhóm, chủ động giải quyết công việc, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.	Mức tự chủ và trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
1	Chương 1: Khái quát về hợp đồng 1.1. Khái niệm, đặc điểm của hợp đồng 1.2. Một số hợp đồng thông dụng.	5		10	CLO1 CLO2 CLO5	Thuyết giảng.	[1], [2];[4].	Đọc chương 1, 2 giáo trình chính
2	Chương 2: Những vấn đề chung về soạn thảo hợp đồng. 2.1. Khái niệm và các nguyên tắc của soạn thảo hợp đồng. 2.2. Thể thức của hợp đồng. 2.3. Yêu cầu của soạn thảo hợp đồng. 2.4. Các bước của soạn thảo hợp đồng.	5	5	20	CLO1 CLO5	Thuyết giảng, thảo luận nhóm.	[1]; [2];[3] [4].	Đọc chương 1, 2 giáo trình chính
3	Chương 3:	10	5	35	CLO2	Thuyết	[1]; [2];	

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
	Kỹ năng soạn thảo các điều khoản của hợp đồng. 3.1. Điều khoản đối tượng. 3.2. Điều khoản chất lượng 3.3. Điều khoản giá cả, thanh toán. 3.4. Thời hạn, địa điểm, phương thức thực hiện hợp đồng. 3.5. Điều khoản về trách nhiệm vật chất. 3.6. Điều khoản về giải quyết tranh chấp.				CLO3 CLO5	giảng, hoạt động nhóm (thảo luận các điều khoản)	[3]; [4].	Đọc chương 3, 4, 5 giáo trình chính
4	Chương 4: Thực hành soạn thảo một số hợp đồng thông dụng 4.1. Soạn thảo hợp đồng chuyển quyền sở hữu tài sản. 4.2. Soạn thảo hợp đồng dịch vụ. 4.3. Soạn thảo hợp đồng hợp tác kinh doanh. 4.4. Soạn thảo hợp đồng lao động.	5	10	40	CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm (soạn thảo hợp đồng)	[1]; [2]; [3]; [4].	Đọc chương 3. 4. 5 giáo trình chính

6) Phương pháp dạy – học

6.1. Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi, làm bài tập	Giáo trình chính
2	Thảo luận nhóm	Phân chia nhóm, trao đổi, thảo luận nhóm, trình bày, nộp sản phẩm thảo luận	Chủ đề thảo luận Giáo trình chính
3	Báo cáo chuyên đề	Phân chia chuyên đề, phân nhóm, từng nhóm báo cáo và trao đổi thảo luận	Chuyên đề viết báo cáo. Giáo trình chính
4	Bài tập cá nhân	Nhận chuyên đề, nộp sản phẩm	Giáo trình chính

6.2. Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc

+ Nhóm:

- Hướng dẫn và chia nhóm: mỗi nhóm tối đa 8 sinh viên, bầu nhóm trưởng và thư ký nhóm.
- Nhóm trưởng nhận chủ đề nghiên cứu và báo cáo từ giảng viên đứng lớp.
- Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm triển khai các công việc (ghi nhận, đánh giá chất lượng và thời gian thực hiện của các thành viên).
- Hoàn thành sản phẩm theo yêu cầu và thời gian giảng viên yêu cầu.
- Nghiên cứu giáo trình chính và hoàn thành tình huống được giao.

+ Cá nhân:

- Làm các bài tập về nhà.
- Nhận chuyên đề và nội sản phẩm.

7) Tài liệu dạy và học

❖ **Tài liệu giảng dạy(giáo trình chính)**

(1) ĐH Luật Hồ Chí Minh. 2017. Giáo trình Pháp luật hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, NXB Hồng Đức.

❖ **Tài liệu hướng dẫn tự học:**

- Tiếng Việt

(1) Trường Đại học Kinh tế quốc dân. 2019. Giáo trình Giao dịch và đàm phán kinh doanh, NXB Thống kê.

(2) Trường ĐH Luật TPHCM. 2019. Sách tình huống hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, NXB Chính trị quốc gia sự thật.

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá:

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2. Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Chuẩn bị bài báo cáo chuyên đề (nhóm)	Chấm bài báo cáo	Bài báo cáo chuyên đề hoàn thành
Soạn hợp đồng (cá nhân)	Chấm điểm hợp đồng	Hợp đồng hoàn thành

8.3. Phương pháp đánh giá học phần:

Nội dung		Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Tích cực tham gia hoạt động trên lớp [1]	10%

Nội dung		Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
	Kiểm tra thường xuyên	Thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề [2] Tự học [3]	15%
	Kiểm tra giữa kỳ	Trắc nghiệm, tự luận [4]	15%
Đánh giá kết thúc	Thi kết thúc	Trắc nghiệm, tự luận [4]	60%

9) Ma trận

9.1. Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

PLOs CLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO1	R									
CLO2			M							
CLO3				M						
CLO4							A			
CLO5									M	

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết giảng	X	X			X
Thảo luận nhóm		X	X	X	X
Báo cáo chuyên đề			X	X	X

9.3. Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp đánh giá	CLOs				
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Tích cực tham gia hoạt động trên lớp	X	X	X		X
Thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề			X	X	X

Phương pháp đánh giá	CLOs				
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Tự học		X	X	X	X
Trắc nghiệm, tự luận	X	X	X	X	X

10) CÁC RUBRIC/THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

10.1 Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài.	10 điểm
Vắng học: < 10%, có phát biểu xây dựng bài.	7-9 điểm
Vắng học: từ 10% đến < 25%, có phát biểu xây dựng bài.	5-7 điểm
Vắng học: từ 25% đến < 40%.	3-5 điểm
Vắng học: từ 40% đến < 60%.	0 – 3 điểm
Vắng học: 60%	0 điểm

10.2. Đánh giá phương pháp trắc nghiệm, tự luận

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5<10)
Nội dung trắc nghiệm	- Không chọn đúng được các câu hỏi kiến thức cơ bản	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)
Nội dung tự luận	Không làm được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)

10.3 Đánh giá điểm bài tập tự học

Số bài tập tự học được giao	Mức cho điểm
Làm bài tập đầy đủ (90%≤100%)	10 điểm

Số bài tập tư học được giao	Mức cho điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ ($80\% \leq 90\%$)	7-9 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ ($50\% \leq 80\%$)	5-7 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ ($30\% \leq 50\%$)	3-5 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ ($\leq 30\%$)	0 – 3 điểm
Không làm bài tập	0 điểm.

10.4 Rubric: Báo cáo chuyên đề/ Thảo luận nhóm

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Nội dung báo cáo phù hợp, cập nhật 3. Phong cách trình bày 4. Trả lời các câu hỏi đặt ra	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 1 năm 2024

TUQ. Hiệu trưởng
Trưởng phòng QLĐT

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

PGS.TS. Phan Thị Hằng Nga

TS.Đoàn Ngọc Phúc

TS.Tô Thị Đông Hà

ThS.Kinh Thị Tuyết

PHỤ LỤC
DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM GIA
GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Kinh Thị Tuyết	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Trường ĐH Tài Chính-Marketing - 778 Nguyễn Kiệm -Phường 4- Q. Phú Nhuận- TP HCM	Điện thoại liên hệ: 0388943889
Email: kt.tuyet@ufm.edu.vn	Trang web: https://ufm.edu.vn
Cách liên lạc với giảng viên: bằng email hoặc tại văn phòng khoa Kinh tế- Luật	

Giảng viên hỗ trợ học phần/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH- MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần (tiếng Việt): Kỹ năng giải quyết các vụ việc dân sự

Tên học phần (tiếng Anh): Skills of Solving Civil Cases

1) Thông tin chung

- Mã học phần: 011814
- Tổng số tín chỉ: 03 Lý thuyết: 03 Thực hành: 0
- Phân bố thời gian (tiết): 45 Lý thuyết: 30 Thực hành: 15
- Số giờ tự học (tiết): 105
- Khoa Quản lý học phần: Khoa Kinh tế - Luật
- Đối tượng người học: dành cho sinh viên năm thứ 03 – Chương trình chuẩn
- Học phần thuộc ngành: Luật Kinh tế
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☒						
		Cơ sở ngành ☐		Ngành ☐			Chuyên ngành ☒	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bổ trợ ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☒

- Điều kiện tiên quyết gồm:

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần học trước: Lý luận chung về nhà nước và pháp luật; Luật Dân sự, Luật Tố tụng Dân sự.

Học phần song hành: Không

2) Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Kỹ năng giải quyết vụ việc dân sự là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Đầu tư - Kinh doanh. Nội dung học phần tập trung cung cấp những vấn đề cơ bản về hoạt động tư vấn và bảo vệ quyền lợi của đương sự trong tố tụng dân sự; kỹ năng tư vấn, hỗ trợ đương sự khởi kiện, yêu cầu giải quyết vụ việc dân sự; kỹ năng tư vấn và giúp đương sự thu thập chứng cứ; kỹ năng nghiên cứu hồ sơ vụ việc dân sự; kỹ năng thương lượng, hoà giải; kỹ năng tư vấn, trợ giúp đương sự tham gia phiên tòa, phiên họp sơ thẩm vụ việc dân sự; kỹ năng tư vấn và trợ giúp đương sự tham gia tố tụng tại tòa án cấp phúc thẩm, kỹ năng tham gia tố tụng theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm.

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Học phần này hướng đến cung cấp kiến thức, kỹ năng cho người học để người học có khả năng thực hành thành thạo các kỹ năng cơ bản của các chủ thể tiến hành tố tụng, luật sư trong các vụ việc dân sự, trên cơ sở áp dụng kiến thức của các ngành luật nội dung có liên quan và ngành Luật Tố tụng dân sự đã học để tham gia giải quyết các vụ việc dân sự.

4) Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra được phân nhiệm ở mức A trong ma trận mối quan hệ CĐR của CTĐT với các học phần)

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Phân tích được các kiến thức cơ bản về kỹ năng của Thẩm phán, Luật sư, Kiểm sát viên trong quá trình tham gia giải quyết vụ việc dân sự.	Kiến thức
CLO2	Đánh giá được các kiến thức cơ bản về kỹ năng của Thẩm phán, Kiểm sát viên, Luật sư trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự.	Kiến thức
CLO3	Áp dụng được kiến thức cơ bản về kỹ năng của Thẩm phán, Kiểm sát viên, Luật sư trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự	Kiến thức
CLO4	Thành thạo trong việc sử dụng các kỹ năng của Thẩm phán, Kiểm sát viên, Luật sư trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự trên thực tế.	Kỹ năng
CLO5	Tổ chức, thích ứng được quá trình làm việc nhóm; Có thể làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi; Chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Hướng dẫn, giám sát được người khác thực hiện nhiệm vụ được phân công khi làm việc nhóm.	Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
1	Chương 1: Khởi kiện và thụ lý vụ án dân sự 1.1.Kỹ năng thụ lý vụ án của Thẩm phán 1.2.Kỹ năng của Luật sư trong giai đoạn khởi kiện vụ án Dân sự	3	1	5	CLO1 CLO2	Thuyết giảng	[1], [4];[5]	Đọc chương I giáo trình chính
2	Chương 2: Kỹ năng thu thập, cung cấp và giao nộp chứng cứ	3	2	10	CLO1 CLO2 CLO3	Thuyết giảng; báo	[1]; [2];[3];[4];	Đọc chương II giáo

	2.1 . Kỹ năng thu thập chứng cứ của thẩm phán 2.2. Kỹ năng của luật sư trong việc giúp đương sự thu thập chứng cứ				CLO4 CLO5	cáo chuyên đề/Tình huống mô phỏng	[5].	trình chính
3	Chương 3: Kỹ năng nghiên cứu hồ sơ, 3.1. Kỹ năng nghiên cứu hồ sơ của Thẩm phán 3.2. Kỹ năng nghiên cứu hồ sơ của Luật sư dụng chứng cứ	4	2	15	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng; báo cáo chuyên đề/Tình huống mô phỏng	[[1]; [2];[3];[4]; [5].	Chuẩn bị chuyên đề Độc chương V, VI, VII, giáo trình chính
4	Chương 4: Kỹ năng hòa giải, Kỹ năng chuẩn bị tham gia phiên tòa sơ thẩm 4.1. Kỹ năng hòa giải 4.1.1. Kỹ năng của Thẩm phán trong hòa giải vụ án dân sự 4.1.2. Kỹ năng của Luật sư trong hòa giải vụ án dân sự 4.2. Chuẩn bị tham gia phiên tòa 4.2.1. Kỹ năng ra các quyết định trước khi đưa vụ án ra xét xử của thẩm phán 4.2.2. Kỹ năng của Luật sư trong giai đoạn chuẩn bị cho phiên tòa sơ thẩm 4.2.3. Kỹ năng chuẩn bị tham gia phiên tòa sơ thẩm của Viện kiểm sát	4	2	15	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng; báo cáo chuyên đề/Tình huống mô phỏng	[1]; [2]; [4]; [5].	Độc chương IV,V giáo trình chính
5	Chương 5: Kỹ năng tham gia phiên tòa sơ thẩm 5.1. Kỹ năng của Thẩm phán tại phiên tòa sơ thẩm 5.2. Kỹ năng của Luật sư trong phiên tòa sơ thẩm	4	2	15	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận.	[1]; [2];[3];[4]; [5].	Độc chương VI giáo trình chính

	5.3. Kỹ năng của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm							
6	Chương 6: Kỹ năng phúc thẩm dân sự 6.1. Kỹ năng phúc thẩm của thẩm phán 6.2. Kỹ năng tham gia phúc thẩm của Luật sư 6.3. Kỹ năng kiểm sát phúc thẩm	4	2	15	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng; báo cáo chuyên đề/Tình huống mô phỏng	[1]; [2]; [3]; [4] [5].	Đọc chương VII giáo trình chính
7	Chương 7: Kỹ năng Giám đốc thẩm, tái thẩm vụ án Dân sự 7.1. Kỹ năng của Thẩm phán 7.2. Kỹ năng của Luật sư trong thủ tục Giám đốc thẩm, tái thẩm vụ án dân sự 7.3. Kỹ năng kiểm sát việc giải quyết các vụ án Dân sự theo thủ tục Giám đốc thẩm, tái thẩm	4	2	15	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Chuẩn bị chuyên đề. Đọc chương VIII giáo trình chính
8	Chương 8: Kỹ năng giải quyết việc dân sự 8.1. Kỹ năng giải quyết việc dân sự của Thẩm phán 8.2. Kỹ năng tham gia việc dân sự của Luật sư 8.3. Kỹ năng kiểm sát việc dân sự	4	2	15	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận.	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Đọc chương IX giáo trình chính

6) Phương pháp dạy – học

6.1. Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi, làm bài tập	Giáo trình chính
2	Thảo luận nhóm	Phân chia nhóm, trao đổi, thảo luận nhóm, trình bày, nộp sản phẩm thảo luận	Chủ đề thảo luận Giáo trình chính
3	Báo cáo chuyên đề/Tình huống mô phỏng	Phân chia chuyên đề, phân nhóm, từng nhóm báo cáo và trao đổi thảo luận	Chuyên đề viết báo cáo. Giáo trình chính

6.2. Thực hành

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết trình	Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi	Bài giảng
2	Thảo luận nhóm	Phân chia nhóm, trao đổi, thảo luận, nộp sản phẩm thảo luận	Các vấn đề, câu hỏi
3	Báo cáo bài tập nhóm/Tình huống mô phỏng	Phân chia bài tập, phân nhóm, từng nhóm báo cáo và trao đổi thảo luận	Bài tập

6.3. Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc:

- Hướng dẫn và chia nhóm: mỗi nhóm tối đa 8 sinh viên, bầu nhóm trưởng và thư ký nhóm.
- Nhóm trưởng nhận chủ đề nghiên cứu và báo cáo từ giảng viên đứng lớp.
- Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm triển khai các công việc (ghi nhận, đánh giá chất lượng và thời gian thực hiện của các thành viên).
- Hoàn thành sản phẩm theo yêu và thời gian giảng viên yêu cầu.
- Nghiên cứu giáo trình chính và hoàn thành tình huống được giao.

7) Tài liệu dạy và học

❖ Tài liệu giảng dạy:

- (1) Học viện Tư pháp. 2020. Giáo trình kỹ năng của thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư trong giải quyết vụ, việc dân sự (Tập 1 - Phần cơ bản), NXB Tư pháp.
- (2) Học viện Tư pháp. 2020. Giáo trình kỹ năng của thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư trong giải quyết vụ, việc dân sự (Tập 2 - Phần chuyên sâu), NXB Tư pháp.

Tài liệu hướng dẫn tự học:

- (1) Học viện Tư pháp. 2020. Giáo trình kỹ năng cơ bản của luật sư tham gia giải quyết vụ việc dân sự, NXB Tư pháp.

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá:

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2. Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Tìm tài liệu và nghiên cứu tài liệu	Bài kiểm tra/vấn đáp nội dung tự học	Bài kiểm tra/vấn đáp
Chuẩn bị bài báo cáo	Chấm bài báo cáo	Bài báo cáo

8.3. Phương pháp đánh giá học phần:

Nội dung		Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Tích cực tham gia hoạt động trên lớp	5%
	Kiểm tra thường	Bài tập tự học	5%

	xuyên	Báo cáo chuyên đề theo nhóm (Tình huống mô phỏng)/ Thực hành tại phòng xử án mô phỏng/	10%
	Kiểm tra giữa kỳ	Nhận định, Tự luận	30%
Đánh giá kết thúc	Thi kết thúc	Nhận định, Tự luận	50%

9. Ma trận

9.1. Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

PLOs CLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLC
CLO1				A						
CLO2				A						
CLO3				A						
CLO4							A			
CLO5										A

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết giảng	X	X	X		
Thảo luận nhóm			X	X	X
Báo cáo chuyên đề			X	X	X

9.3. Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp đánh giá	CLOs				
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Tích cực tham gia hoạt động trên lớp	X	X	X	X	X
Bài tập tự học cá nhân		X	X	X	X
Báo cáo chuyên đề/Thực hành tại phòng xử án mô phỏng	X	X	X	X	X
Nhận định, tự luận	X	X	X	X	X

10. CÁC RUBRIC/THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

10.1. Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài.	10 điểm
Vắng học: < 10%, có phát biểu xây dựng bài.	7-9 điểm
Vắng học: từ 10% đến < 25%, có phát biểu xây dựng bài.	5-7 điểm
Vắng học: từ 25% đến < 40%.	3-5 điểm
Vắng học: từ 40% đến < 60%.	0 – 3 điểm
Vắng học: 60%	0 điểm

10.2. Đánh giá bài tập tự học

Số bài tập tự học được giao	Mức cho điểm
Làm bài tập đầy đủ (90%≤100%)	10 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (80%≤90%)	7-9 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (50%≤80%)	5-7 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (30%≤50%)	3-5 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (≤30%)	0 – 3 điểm
Không làm bài tập	0 điểm.

10.3 Rubric: Báo cáo chuyên đề/ Thực hành tại phòng xử án mô phỏng

Bài báo cáo chuyên đề

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Nội dung báo cáo phù hợp, cập nhật 3. Phong cách trình bày 4. Trả lời các câu hỏi đặt ra	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

Tình huống mô phỏng

1. Về trình tự diễn ra tình huống, bối cảnh: Mức độ đầy đủ về dữ kiện thời gian, không gian, có dữ kiện khác về nhân thân, thông tin cá nhân 2. Về dung tình huống: Chất lượng tình huống, giải quyết đúng pháp luật, giải quyết được các vấn đề pháp lý phát sinh 3. Về trang phục 4. Về đóng vai, diễn xuất	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

10.5 Đánh giá phương pháp nhận định, tự luận (Bài kiểm tra giữa kỳ, Bài thi cuối kỳ)

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5-10)
Nội dung nhận định	Trả lời đúng dưới 40% số câu hỏi	Trả lời đúng từ 40% đến dưới 55% số câu hỏi	Trả lời đúng từ 55% đến dưới 70% số câu hỏi	Trả lời đúng từ 70% đến dưới 85% số câu hỏi	Trả lời đúng trên 85% số câu hỏi
	Giả định các câu hỏi có mức điểm như nhau				
Nội dung tự luận	Làm đúng dưới 40% yêu cầu của câu hỏi	Làm đúng từ 40% đến dưới 55% yêu cầu của câu hỏi	Làm đúng từ 55% đến dưới 70% yêu cầu của câu hỏi	Làm đúng từ 70% đến dưới 85% yêu cầu của câu hỏi	Làm đúng trên 85% yêu cầu của câu hỏi

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 9 năm 2024

TUQ. Hiệu trưởng
Trưởng phòng QLĐT

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

PGS.TS. Phan Thị Hằng Nga

TS. Đoàn Ngọc Phúc

TS. Tô Thị Đông Hà

ThS. Ngô Thị Duyên

PHỤ LỤC
DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM GIA
GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách môn học

Họ và tên: Ngô Thị Duyên	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 778 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh	Điện thoại liên hệ: 0907002379
Email: ngoduyen@ufm.edu.vn	Trang web: https://ufm.edu.vn
Cách liên lạc với giảng viên: bằng email hoặc tại văn phòng Khoa Kinh tế- Luật	

Giảng viên hỗ trợ môn học/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH- MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần (tiếng Việt): **Kỹ năng giải quyết các vụ án hình sự**

Tên học phần (tiếng Anh): **Skills of Solving Criminal Cases**

1) Thông tin chung

- Mã số học phần: 011815
- Tổng số tín chỉ: 03 Lý thuyết: 0 Thực hành: 0
- Phân bố thời gian (tiết): 45 Lý thuyết: 30 Thực hành: 15
- Số giờ tự học (tiết): 105
- Khoa Quản lý học phần: Khoa Kinh tế - Luật
- Đối tượng người học: dành cho sinh viên năm thứ 03 – Chương trình chuẩn
- Học phần thuộc ngành: Luật Kinh tế
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☒						
		Cơ sở ngành ☐		Ngành ☐			Chuyên ngành ☒	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bổ trợ ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☒

- Điều kiện tiên quyết gồm:

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần học trước: Lý luận chung về nhà nước và pháp luật; Luật Hình sự và Tố tụng hình sự.

Học phần song hành: Không

2) Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Kỹ năng giải quyết vụ việc hình sự là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Đầu tư - Kinh doanh. Nội dung học phần tập trung cung cấp những kỹ năng của thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư trong hoạt động khởi tố vụ án, khởi tố bị can; giai đoạn điều tra vụ án hình sự; giai đoạn truy tố cũng như kỹ năng chuẩn bị xét xử vụ án hình sự, kỹ năng tại phiên tòa hình sự sơ thẩm, phiên tòa hình sự phúc thẩm và trong thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm..

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Học phần này hướng đến cung cấp kiến thức, kỹ năng cho người học để người học có khả năng thực hành những kỹ năng cơ bản của các chủ thể tiến hành tố tụng và luật sư trong việc giải quyết các vụ án hình sự từ giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố đến giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, xét xử sơ thẩm, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự, thủ tục giám đốc thẩm và tái thẩm.

4) Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Giải thích được các kiến thức cơ bản về kỹ năng của Thẩm phán, Kiểm sát viên, Luật sư trong hoạt động khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can.	Kiến thức
CLO2	Giải thích được các kiến thức cơ bản về kỹ năng của Kiểm sát viên, Luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự và giai đoạn truy tố.	Kiến thức
CLO3	Giải thích được kỹ năng của Thẩm phán, Kiểm sát viên, Luật sư trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án hình sự và tại phiên tòa hình sự.	Kiến thức
CLO4	Thành thạo trong việc sử dụng các kỹ năng của Thẩm phán, Kiểm sát viên, Luật sư trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự trên thực tế.	Kỹ năng
CLO5	Tổ chức thực hiện được quá trình làm việc nhóm. Có thể Làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi. Chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. Hướng dẫn, giám sát được người khác thực hiện nhiệm vụ được phân công khi làm việc nhóm.	Tự chủ và tự chịu trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số tiết			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
1	Chương 1. Kỹ năng của Thẩm phán, Kiểm sát viên, Luật sư trong hoạt động khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can 1.1. Một số vấn đề	4	1	13	CLO1 CLO4	Thuyết giảng, Thảo luận nhóm, Báo cáo chuyên đề	[1][2]; [3];[5]	Đọc chương 1 Giáo trình chính

TT	Nội dung	Số tiết			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
	chung về khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can 1.2. Kỹ năng của Kiểm sát viên trong hoạt động khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can 1.3. Kỹ năng của Thẩm phán trong hoạt động khởi tố vụ án hình sự 1.4. Kỹ năng của Luật sư trong hoạt động khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can							
2	Chương 2. Kỹ năng của Kiểm sát viên, Luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự 2.1. Một số vấn đề chung về điều tra vụ án hình sự 2.2. Kỹ năng của Kiểm sát viên trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự 2.3. Kỹ năng của Luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự	4	1	13	CLO2 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, thực hành tại lớp, báo cáo chuyên đề	[1][2]; [3];[5]	Nghiên cứu nội dung báo cáo chuyên đề, Đọc chương 2 Giáo trình chính
3	Chương 3. Kỹ năng của Kiểm sát viên, luật sư trong giai đoạn truy tố 3.1. Một số vấn đề chung về truy tố 3.2. Kỹ năng của Kiểm sát viên trong giai	3	2	13	CLO2 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, thực hành tại lớp, báo cáo chuyên	[1][2]; [3];[5]	Nghiên cứu nội dung báo cáo chuyên đề, Đọc chương 3 Giáo trình chính

TT	Nội dung	Số tiết			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
	đoạn truy tố 3.3. Kỹ năng của Luật sư trong giai đoạn truy tố					đề		
	Chương 4. Kỹ năng của Thẩm phán, Kiểm sát viên, Luật sư trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án hình sự 4.1. Một số vấn đề chung về chuẩn bị xét xử vụ án hình sự				CLO3	Thuyết giảng, thảo luận nhóm,	[1][2];	Nghiên cứu nội dung báo cáo chuyên đề, Chuẩn bị tình
4	4.2. Kỹ năng của Thẩm phán trong thời gian chuẩn bị xét xử 4.3. Kỹ năng của Kiểm sát viên trong thời gian chuẩn bị xét xử 4.4. Kỹ năng của Luật sư trong thời gian chuẩn bị xét xử	4	2	13	CLO4 CLO5	thực hành tại lớp, báo cáo chuyên đề	[3];[5]	huống mô phỏng; Đọc chương 4 Giáo trình chính
	Chương 5. Kỹ năng của Thẩm phán, Kiểm sát viên, Luật sư tại phiên tòa hình sự sơ thẩm					Thuyết giảng, thực hành tại phòng xử án mô phỏng, báo cáo chuyên đề		Nghiên cứu nội dung báo cáo chuyên đề, Chuẩn bị phân vai, diễn án; Đọc chương 5 Giáo trình chính
5	5.1. Một số vấn đề chung về phiên tòa hình sự sơ thẩm 5.2. Kỹ năng của Thẩm phán tại phiên tòa hình sự sơ thẩm 5.3. Kỹ năng của Kiểm sát viên tại phiên tòa	4	2	13	CLO3 CLO4 CLO5	phòng xử án mô phỏng, báo cáo chuyên đề	[1][3]; [3];[5]	Chuẩn bị phân vai, diễn án; Đọc chương 5 Giáo trình chính

TT	Nội dung	Số tiết			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
	hình sự sơ thẩm 5.4. Kỹ năng của Luật sư tại phiên tòa hình sự sơ thẩm							
6	Chương 6. Kỹ năng của Thẩm phán, Kiểm sát viên, Luật sư trong giai đoạn xét xử phúc thẩm vụ án hình sự 6.1. Một số vấn đề chung về xét xử phúc thẩm vụ án hình sự 6.2. Kỹ năng của Thẩm phán trong giai đoạn xét xử phúc thẩm vụ án hình sự. 6.3. Kỹ năng của Luật sư trong giai đoạn xét xử phúc thẩm	4	2	13	CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, thực hành tại phòng xử án mô phỏng, báo cáo chuyên đề	[1][3]; [3];[5]	Nghiên cứu nội dung báo cáo chuyên đề, Chuẩn bị phân vai, diễn án; Đọc chương 6 Giáo trình chính
7	Chương 7. Kỹ năng của Thẩm phán, Kiểm sát viên, Luật sư trong việc giải quyết vụ án theo thủ tục rút gọn 7.1. Một số vấn đề chung về thủ tục rút gọn 7.2. Kỹ năng của Thẩm phán trong việc giải quyết vụ án theo thủ tục rút gọn 7.3. Kỹ năng của Kiểm sát viên trong việc giải quyết vụ án theo thủ tục	4	2	13	CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng, thực hành tại lớp, báo cáo chuyên đề	[1][2]; [3];[5]	Nghiên cứu nội dung báo cáo chuyên đề, Chuẩn bị tình huống mô phỏng; Đọc chương 7 Giáo trình chính

TT	Nội dung	Số tiết			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
	rút gọn 7.4.Kỹ năng của Luật sư trong việc giải quyết vụ án theo thủ tục rút gọn							
	Chương 8. Kỹ năng của Thẩm phán, Kiểm sát viên, Luật sư trong thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm 8.1. Một số vấn đề chung về thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm					Thuyết giảng.		Nghiên cứu nội dung báo cáo
8	8.2. Kỹ năng của Thẩm phán trong việc giải quyết vụ án theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm 8.3. Kỹ năng của Kiểm sát viên trong việc giải quyết vụ án theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm 8.4. Kỹ năng của Luật sư trong việc giải quyết theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm	3	2	14	CLO3 CLO4 CLO5	Thực hành tại phòng xử án mô phỏng, báo cáo chuyên đề	[1][3]; [3];[5]	chuyên đề; Chuẩn bị phân vai, diễn án; Đọc chương 8 Giáo trình chính
	Tổng	30	15	105				

6) Phương pháp dạy – học

6.1. Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi	Giáo trình chính

2	Thảo luận nhóm	Phân chia nhóm, giao câu hỏi thảo luận, tìm câu trả lời, trình bày và thảo luận	Câu hỏi thảo luận Giáo trình chính
---	----------------	---	---------------------------------------

6.2. Thực hành

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thực hành tại lớp	Phân chia nhóm, giao tình huống, phân vai, giải quyết tình huống, nghe nhận xét	Tình huống mô phỏng
4	Thực hành tại phòng xử án mô phỏng	Phân chia nhóm, giao hồ sơ vụ án mô phỏng, diễn án tại phòng xử án mô phỏng và nghe nhận xét	Hồ sơ vụ án mô phỏng

6.3. Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc:

- Chia nhóm: mỗi nhóm tối đa 8 sinh viên, bầu nhóm trưởng và thư ký nhóm.
- Nhóm trưởng nhận chủ đề nghiên cứu từ giảng viên đứng lớp.
- Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm triển khai các công việc (ghi nhận, đánh giá chất lượng và thời gian thực hiện của các thành viên).
- Hoàn thành sản phẩm theo yêu và thời gian giảng viên yêu cầu.
- Nghiên cứu giáo trình chính và hoàn thành tình huống được giao.

7) Tài liệu dạy và học

❖ Tài liệu giảng dạy:

- (1) Học viện Tư pháp. 2023. Giáo trình kỹ năng của thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư trong giải quyết vụ án hình sự (Tập 1 - Phần cơ bản), Nxb. Tư pháp.
- (2) Học viện Tư pháp. 2023. Giáo trình Kỹ năng của thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư trong giải quyết vụ án hình sự (phần đào tạo tự chọn), Nxb. Tư pháp.

❖ Tài liệu hướng dẫn tự học:

- (1) Phạm Minh Tuyên. 2018. Kỹ năng xét xử các vụ án hình sự, Nxb. Thanh niên
- (2) Nguyễn Quang Hiền. 2018. Giải quyết vụ án hình sự, Nxb. Lao động

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2. Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Chuẩn bị bài báo cáo chuyên đề (nhóm)	Chấm bài báo cáo	Bài báo cáo chuyên đề hoàn thành
Làm bài tập	Chấm điểm bài tập	Bài tập hoàn thành

8.3. Phương pháp đánh giá học phần:

Nội dung		Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Tích cực tham gia hoạt động trên lớp [1]	10%
	Kiểm tra thường xuyên	Thảo luận nhóm [2] Thực hành tại phòng xử án mô phỏng [3] Bài tập tự học [4]	30%
	Kiểm tra giữa kỳ	Tự luận [5]	10%
Đánh giá kết thúc	Thi kết thúc	Tự luận [5]	50%

9) Ma trận

9.1. Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

PLOs CLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO1				M						
CLO2				M						
CLO3				M						
CLO4							M			
CLO5										M

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết giảng	x	x	x		
Thảo luận nhóm	x	x	x	x	

Thực hành tại lớp				X	X
Thực hành tại phòng xử án mô phỏng (nhóm)				X	X
Báo cáo chuyên đề (nhóm)	X	X	X		X

9.3. Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

CLOs	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Phương pháp đánh giá					
Tích cực tham gia hoạt động trên lớp [1]	X	X	X		X
Thảo luận nhóm [2]	X	X	X	X	X
Thực hành tại phòng xử án mô phỏng [3]				X	X
Báo cáo chuyên đề (bài tập tự học) [4]	X	X	X		X
Tự luận [5]	X	X	X	X	

10. CÁC RUBRIC/THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

10.1 Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài.	10 điểm
Vắng học: < 10%, có phát biểu xây dựng bài.	7-9 điểm
Vắng học: từ 10% đến < 15%, có phát biểu xây dựng bài.	5-7 điểm
Vắng học: từ 15% đến < 20%.	3-5 điểm
Vắng học: từ 20% đến < 25%.	0 – 3 điểm
Vắng học: > 25%	0 điểm

10.2. Đánh giá điểm thực hành tại phòng xử án mô phỏng

Tiêu	Mức độ đạt
------	------------

chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5-10)
Hoạt động trong giờ học	Không có sản phẩm/không tham gia thuyết trình/mô phỏng tình huống đúng thời gian và địa điểm yêu cầu	- Thuyết trình/mô phỏng tình huống đúng thời gian, địa điểm - Chưa đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về hình thức, nội dung - Phương pháp thuyết trình/kỹ năng mô phỏng tình huống chưa tốt	- Thuyết trình/mô phỏng tình huống đúng thời gian, địa điểm - Đáp ứng đầy đủ các nội dung về hình thức, nội dung theo yêu cầu - Đáp ứng yêu cầu về phương pháp thuyết trình/kỹ năng mô phỏng tình huống	- Thuyết trình/mô phỏng tình huống đúng thời gian, địa điểm - Tinh thần làm việc nhóm tốt - Đáp ứng tốt các yêu cầu về hình thức, nội dung - Phương pháp thuyết trình/kỹ năng mô phỏng tình huống tốt	- Thuyết trình/mô phỏng tình huống đúng thời gian, địa điểm. - Tinh thần làm việc và phối hợp giữa các thành viên trong nhóm tốt - Đáp ứng tốt các yêu cầu về hình thức, nội dung và có tính mới, sáng tạo. - Phương pháp thuyết trình/kỹ năng mô phỏng tình huống tốt, sáng tạo

10.3 Đánh giá điểm bài tập tự học

Số bài tập tự học được giao	Mức cho điểm
Làm bài tập đầy đủ (90%≤100%)	10 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (80%≤90%)	7-9 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (50%≤80%)	5-7 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (30%≤50%)	3-5 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (≤30%)	0 – 3 điểm
Không làm bài tập	0 điểm

10.4 Rubric: Báo cáo chuyên đề/ Thảo luận nhóm

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
2. Nội dung báo cáo phù hợp, cập nhật 3. Phong cách trình bày 4. Trả lời các câu hỏi đặt ra	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

10.5. Đánh giá điểm bài tự luận

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5≤10)
Nội dung tự luận	Không làm được được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 9 năm 2024

TUQ.Hiệu trưởng
Trưởng phòng QLKH



PGS.TS. Phan Thị Hằng Nga

Trưởng khoa



TS. Đoàn Ngọc Phúc

Trưởng bộ môn



TS. Tô Thị Đông Hà

Giảng viên biên soạn



Trần Thị Huyền Trang

PHỤ LỤC
DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ
THAM GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Trần Thị Huyền Trang	Học hàm, học vị: Thạc sĩ, nghiên cứu sinh
Địa chỉ cơ quan: 778 Nguyễn Kiệm, Phường 4, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh	Điện thoại liên hệ: 0937915758
Email: ttthtrang@ufm.edu.vn	Trang web: http://ufm.edu.vn
Cách liên lạc với giảng viên: bằng email hoặc tại văn phòng Khoa Kinh tế - Luật	

Giảng viên hỗ trợ học phần/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tên học phần (tiếng Anh): Legal Reasoning

- Học phần thuộc khối kiến thức:

Học phần này hướng đến cung cấp kiến thức, kỹ năng cho người học để người học

có khả năng phát hiện vấn đề, phân tích, phản biện, lập luận, xử lý các tình huống phát sinh trong hoạt động áp dụng pháp luật, thực hiện pháp luật.

4) Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Trình bày được những vấn đề lý luận về tư duy, tư duy học, tư duy pháp lý.	Kiến thức
CLO2	Vận dụng các quy luật của tư duy pháp lý; phân biệt được các dạng lỗi ngụy biện trong tranh luận pháp lý; áp dụng được các phương pháp tư duy pháp lý căn bản	Kiến thức
CLO3	Sử dụng được kỹ thuật phân tích quy phạm pháp luật, lựa chọn nguồn luật, và các phương pháp giải thích pháp luật	Kiến thức
CLO4	Thành thạo kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình; tranh luận pháp lý, kỹ năng phòng tránh và bác bỏ lỗi ngụy biện; làm chủ kỹ thuật phân tích quy phạm pháp luật, lựa chọn nguồn luật, phương pháp giải thích pháp luật;	Kỹ năng
CLO5	Tích cực nâng cao trình độ tư duy pháp lý, phát triển thói quen đối thoại văn minh	Tự chủ và trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
1	CHƯƠNG 1: TƯ DUY, TƯ DUY HỌC VÀ TƯ DUY PHÁP LÝ I. Lý luận về tư duy 1. Khái niệm tư duy 2. Đặc điểm của tư duy II. Tư duy học (khoa học về tư duy) III. Tư duy pháp lý 1. Khái niệm 2. Đặc điểm 3. Phân loại IV. Tư duy pháp lý với tính chất là một khoa học IV. Tư duy pháp lý với tính chất là một học phần trong chương trình đào tạo cử nhân luật học	3	0	6	CLO1	Thuyết giảng.	[1],[3] [4];[5].	Đọc chương I, II giáo trình chính
2	CHƯƠNG 2: CÁC QUY LUẬT CỦA TƯ DUY VÀ	10	4	15	CLO2, CLO4,	Thuyết giảng;	[1];[2]; [3]; [4]	Đọc chương

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
	VẤN ĐỀ NGỤY BIỆN TRONG TRANH LUẬN I. Khái niệm, đặc điểm của quy luật tư duy II. Các quy luật cơ bản của tư duy 1. Quy luật đồng nhất 2. Quy luật cấm mâu thuẫn 3. Quy luật loại trừ cái thứ ba (hay còn gọi là luật bài trung) 4. Quy luật lý do đầy đủ II. Ngụy biện trong tranh luận 1 Khái niệm, đặc điểm và phân loại 2. Các dạng lỗi ngụy biện trong tranh luận pháp lý				CLO5	Thảo luận nhóm.	[5].	III giáo trình chính
3	CHƯƠNG 3: CÁC PHƯƠNG PHÁP TƯ DUY PHÁP LÝ CĂN BẢN I. Khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa của các phương pháp tư duy pháp lý II. Các phương pháp tư duy pháp lý căn bản 1. Phương pháp tư duy diễn dịch (a maiore ad minus) 2. Phương pháp tư duy quy nạp (a maiore ad minus) 3. Phương pháp tam đoạn luận (syllogismos) 4. Phương pháp tư duy IRAC 5. Phương pháp suy luận tương tự (analogy) 6. Phương pháp tư duy phân biệt (A khác B, vì vậy qui	15	8	28	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	Thuyết giảng; thảo luận; hoạt động nhóm (các nhóm báo cáo chuyên đề)	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Chuẩn bị chuyên đề. Đọc chương IV giáo trình chính

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
	tắc A không thể áp dụng cho B). 7. Phương pháp suy luận đối nghịch (argumentum a contrario) 8. Phương pháp suy luận tất nhiên (fortiori) 9. Phương pháp suy luận loại trừ (enumeratio) 10. Phương pháp phân tích luật (legal analysis) 11. Phương pháp lập luận pháp lý (legal reasoning)							
4	CHƯƠNG 4: KỸ THUẬT PHÂN TÍCH QUY PHẠM PHÁP LUẬT, LỰA CHỌN NGUỒN PHÁP LUẬT, XỬ LÝ XUNG ĐỘT PHÁP LUẬT, XỬ LÝ LỖ HỒNG PHÁP LUẬT, VÀ CÁC PHƯƠNG PHÁP GIẢI THÍCH PHÁP LUẬT I. Kỹ thuật phân tích quy phạm pháp luật 1. Kỹ thuật nhận diện và phân tích quy phạm pháp luật đầy đủ 2. Kỹ thuật nhận diện và phân tích quy phạm pháp luật không đầy đủ 3. Các lỗi điển hình trong phân tích logic quy phạm pháp luật II. Kỹ thuật lựa chọn nguồn pháp luật, xử lý xung đột pháp luật và lỗ hổng pháp luật 1. Kỹ thuật lựa chọn nguồn	4	3	12	CLO2, CLO3, CLO4, CLO6.	Thuyết giảng; Thảo luận.	[1]; [2]; [3]; [4] [5].	Làm tình huống chương 4. Đọc chương V giá trình chính

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
	pháp luật 2. Kỹ thuật xử lý xung đột pháp luật 3. Kỹ thuật xử lý lỗ hổng pháp luật III. Giải thích pháp luật 1. Khái niệm, đặc điểm của giải thích pháp luật 2. Các hình thức giải thích pháp luật 3. Các nguyên tắc giải thích pháp luật 4. Các phương pháp giải thích pháp luật							
5	CHƯƠNG 5: TƯ DUY PHÁP LÝ Ở 2 HỆ THỐNG PHÁP LUẬT CHÍNH TRÊN THẾ GIỚI I. Tư duy pháp lý trong hệ thống pháp luật Common Law II. Tư duy pháp lý trong hệ thống pháp luật Civil Law Kiểm tra Ôn tập	3	0	13	CLO1	Thuyết giảng; Hoạt động nhóm	[1]; [2];	Chuẩn bị chuyên đề. Đọc chương VI giáo trình chính

6) Phương pháp dạy – học

6.1. Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi, làm bài tập	Giáo trình chính
2	Thảo luận nhóm	Phân chia nhóm, trao đổi, thảo luận nhóm, trình bày, nộp sản phẩm thảo luận	Chủ đề thảo luận Giáo trình chính
3	Báo cáo chuyên đề	Phân chia chuyên đề, phân nhóm, từng nhóm báo cáo và trao đổi thảo luận	Chuyên đề Giáo trình chính
4	Bài tập cá nhân	Nhận chuyên đề, nộp sản phẩm	Giáo trình chính

6.2. Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc

- Hướng dẫn và chia nhóm: mỗi nhóm tối đa 8 sinh viên, bầu nhóm trưởng và thư ký nhóm.
- Nhóm trưởng nhận chủ đề nghiên cứu và báo cáo từ giảng viên đứng lớp.
- Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm triển khai các công việc (ghi nhận, đánh giá chất lượng và thời gian thực hiện của các thành viên).
- Hoàn thành sản phẩm theo yêu cầu và thời gian giảng viên yêu cầu.
- Nghiên cứu giáo trình chính và hoàn thành tình huống được giao.

7) Tài liệu dạy và học

❖ Tài liệu giảng dạy (giáo trình chính)

(1) Nguyễn Minh Tuấn, Nguyễn Hoàng Anh. 2023. Giáo trình tư duy pháp lý, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

❖ Tài liệu hướng dẫn tự học

- Tiếng Việt

(1) Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh. 2022. Giáo trình Logic học, Nxb. Hồng Đức.

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2. Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Chuẩn bị bài báo cáo chuyên đề (nhóm)	Chấm bài báo cáo	Bài báo cáo chuyên đề hoàn thành
Làm tình huống	Chấm điểm tình huống	Tình huống hoàn thành

8.3. Phương pháp đánh giá học phần

	Nội dung	Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Tích cực tham gia hoạt động trên lớp [1]	10%
	Kiểm tra thường xuyên	Thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề [2] Tự học [3]	20%
	Kiểm tra giữa kỳ	Trắc nghiệm, tự luận [4]	20%
Đánh giá kết thúc	Thi kết thúc	Trắc nghiệm, tự luận [4]	50%
		Hoặc tiểu luận cá nhân [5]	

9) Ma trận

9.1. Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

PLOs CLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO1										
CLO2			R							
CLO3			R							
CLO4			R				M			
CLO5							M			
CLO6									M	

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
Thuyết giảng	X	X				
Thảo luận nhóm			X	X	X	
Báo cáo chuyên đề			X	X		X

9.3. Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp đánh giá	CLOs					
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
Tích cực tham gia hoạt động trên lớp	X	X	X	X	X	X
Thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề			X	X	X	X
Tự học		X	X	X	X	X
Trắc nghiệm, tự luận	X	X	X	X	X	X
Tiểu luận cá nhân	X	X	X	X	X	X

10. Các rubric/thang điểm đánh giá

10.1 Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài.	10 điểm
Vắng học: < 10%, có phát biểu xây dựng bài.	7-9 điểm
Vắng học: từ 10% đến < 25%, có phát biểu xây dựng bài.	5-7 điểm

Vắng học: từ 25% đến < 40%.	3-5 điểm
Vắng học: từ 40% đến < 60%.	0 – 3 điểm
Vắng học: 60%	0 điểm

10.2. Đánh giá phương pháp trắc nghiệm, tự luận

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5-10)
Nội dung trắc nghiệm	Không chọn đúng được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)
Nội dung tự luận	Không làm được được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)

10.3 Đánh giá điểm bài tập tự học

Số bài tập tự học được giao	Mức cho điểm
Làm bài tập đầy đủ (90%≤100%)	10 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (80%≤90%)	7-9 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (50%≤80%)	5-7 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (30%≤50%)	3-5 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (<=30%)	0 – 3 điểm
Không làm bài tập	0 điểm.

10.4 Rubric: Báo cáo chuyên đề/ Thảo luận nhóm

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Nội dung báo cáo phù hợp, cập nhật 3. Phong cách trình bày 4. Trả lời các câu hỏi đặt ra	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

10.5 Rubric: Tiểu luận cá nhân cuối kỳ (Nếu sử dụng phương pháp đánh giá này)

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Phương pháp nghiên cứu 3. Nội dung tiểu luận phù hợp, cập nhật 4. Hàm ý kiến nghị đề xuất	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 9 năm 2024

TUQ. Hiệu trưởng 
Trưởng phòng QLĐT

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn





PGS.TS. Phan Thị Hằng Nga

TS. Đoàn Ngọc Phúc

TS. Tô Thị Đông Hà

TS. Tô Thị Đông Hà

PHỤ LỤC
DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM GIA
GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Tô Thị Đông Hà	Học hàm, học vị: tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, Tp HCM.	Điện thoại liên hệ: 0987685977
Email: toha@ufm.edu.vn	Trang web: https://ufm.edu.vn
Cách liên lạc với giảng viên: bằng email hoặc tại văn phòng Khoa Kinh tế - Luật	

Giảng viên hỗ trợ học phần/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tên học phần (tiếng Anh): International law

- Học phần thuộc khối kiến thức:

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Học phần này hướng đến cung cấp kiến thức, kỹ năng cho người học để người học có khả năng phân tích các vấn đề pháp lý quốc tế; về các phương thức giải quyết tranh chấp quốc tế; và nâng cao nhận thức về vai trò của công pháp quốc tế trong quan hệ quốc tế; phân tích tình huống pháp lý trong thực tiễn và xác định nguồn luật áp dụng để giải quyết tình huống; từ đó, hình thành năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm.

4) Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Trình bày được các vấn đề pháp lý liên quan đến quan hệ quốc tế như lãnh thổ, biên giới, dân cư trong lãnh thổ.	Kiến thức
CLO2	Hiểu và xác định được những quan hệ pháp luật thuộc tư pháp quốc tế, hiểu được quy phạm xung đột và các hệ thuộc luật, hiểu được nội dung của các chế định dân sự thuộc lĩnh vực tư pháp quốc tế.	Kiến thức
CLO3	Vận dụng được những quy định pháp luật giải quyết được các tình huống pháp lý cụ thể về biên, biên giới, lãnh thổ, dân cư... trong các quan hệ quốc tế.	Kỹ năng
CLO4	Vận dụng những quy định pháp luật để giải quyết được các tình huống, các tranh chấp liên quan đến quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài.	Kỹ năng
CLO5	Làm việc độc lập/làm việc theo nhóm, chủ động giải quyết công việc, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.	Tự chủ và trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
1	Chương 1: Lý luận chung về Luật quốc tế 1.1. Khái niệm Luật quốc tế. 1.2. Đặc trưng của luật quốc tế. 1.3. Quan hệ giữa luật quốc tế và luật quốc gia. 1.4. Nguồn của luật quốc tế. 1.5. Chủ thể của luật quốc tế.	4	1	10	CLO1 CLO5	Thuyết giảng.	[1],[3]; [4];[5].	Đọc chương 1, 2, 3 giáo trình chính (1).

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
2	Chương 2: Lãnh thổ, biên giới quốc gia và dân cư trong luật quốc tế 2.1. Những vấn đề pháp lý cơ bản về lãnh thổ quốc gia. 2.2. Những vấn đề pháp lý cơ bản về biên giới quốc gia. 2.3. Những vấn đề pháp lý cơ bản về dân cư trong luật quốc tế.	5	5	25	CLO1 CLO3 CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm. Hoạt động nhóm (trình bày chuyên đề).	[1]; [2];[3] [4], [5].	Chuẩn bị chuyên đề. Đọc chương 4, 6 giáo trình chính (1)
3	Chương 3: Luật biển quốc tế và vấn đề giải quyết tranh chấp trong luật quốc tế 3.1. Những vấn đề pháp lý cơ bản về luật biển quốc tế. 3.2. Giải quyết tranh chấp trong luật quốc tế.	5	2	15	CLO1 CLO3 CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Hoàn thành bài tập chương 2. Đọc chương 5 giáo trình chính (1)
4	Chương 4: Những vấn đề cơ bản về tư pháp quốc tế 4.1. Đối tượng, phương pháp điều chỉnh. 4.2. Chủ thể của tư pháp quốc tế. 4.3. Nguồn của tư pháp quốc tế.	4	2	20	CLO2 CLO5	Thuyết giảng; Hoạt động nhóm	[1]; [3]; [4]; [5].	Đọc chương 1, 2 giáo trình chính (2)
5	Chương 5: Xung đột pháp luật 5.1. Khái niệm, phương pháp giải quyết xung đột pháp	5	2	15	CLO2 CLO4 CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Hoàn thành bài tập chương 4

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
	luật. 5.2. Quy phạm xung đột. 5.3. Các hệ thuộc luật cơ bản. 5.4. Áp dụng pháp luật nước ngoài.							Đọc chương 3, 4 giáo trình chính (2).
6	Chương 6: Một số chế định pháp luật dân sự cơ bản của tư pháp quốc tế 6.1. Quyền sở hữu tài sản trong tư pháp quốc tế. 6.2. Thừa kế trong tư pháp quốc tế. 6.3. Hợp đồng và bồi thường thiệt hại trong tư pháp quốc tế. 6.4. Hôn nhân và gia đình trong tư pháp quốc tế.	7	3	20	CLO2 CLO4 CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm. Hoạt động nhóm (trình bày chuyên đề) Bài tập cá nhân.	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Hoàn thành bài tập chương 5 Đọc chương 8, 9, 10, 11, 12, 13 giáo trình chính (2).

6) Phương pháp dạy – học

6.1. Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi, làm bài tập	Giáo trình chính
2	Thảo luận nhóm	Phân chia nhóm, trao đổi, thảo luận nhóm, trình bày, nộp sản phẩm thảo luận	Chủ đề thảo luận Giáo trình chính
3	Báo cáo chuyên đề	Phân chia chuyên đề, phân nhóm, từng nhóm báo cáo và trao đổi thảo luận	Chuyên đề viết báo cáo. Giáo trình chính
4	Bài tập cá nhân	Nhận chuyên đề, nộp sản phẩm	Giáo trình chính

6.2. Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc

+ Nhóm:

- Hướng dẫn và chia nhóm: mỗi nhóm tối đa 8 sinh viên, bầu nhóm trưởng và thư

ký nhóm.

- Nhóm trưởng nhận chủ đề nghiên cứu và báo cáo từ giảng viên đứng lớp.
- Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm triển khai các công việc (ghi nhận, đánh giá chất lượng và thời gian thực hiện của các thành viên).
- Hoàn thành sản phẩm theo yêu và thời gian giảng viên yêu cầu.
- Nghiên cứu giáo trình chính và hoàn thành tình huống được giao.

+ Cá nhân:

- Làm các bài tập về nhà.
- Nhận chuyên đề và nộp sản phẩm.

7) Tài liệu dạy và học

❖ Tài liệu giảng dạy (giáo trình chính):

- (1) Đại học Luật TP.HCM. 2024. Giáo trình công pháp quốc tế (Quyển 1), NXB. Hồng Đức.
- (2) Đại học Luật TP.HCM. 2021. Giáo trình Tư pháp quốc tế, NXB Hồng Đức.

❖ Tài liệu hướng dẫn tự học:

- (1) Đại học Luật Hà Nội. 2019. Giáo trình Luật quốc tế (Quyển 1), NXB. Công an nhân dân.
- (2) Đại học Luật Hà Nội. 2019. Giáo trình Tư pháp quốc tế, NXB Công an nhân dân.

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá:

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2. Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Chuẩn bị bài báo cáo chuyên đề (nhóm)	Chấm bài báo cáo	Bài báo cáo chuyên đề hoàn thành
Bài tập cá nhân	Chấm điểm bài tập	Bài tập hoàn thành

8.3. Phương pháp đánh giá học phần

Nội dung		Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Tích cực tham gia hoạt động trên lớp [1]	10%
	Kiểm tra thường xuyên	Thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề [2] Tự học [3]	15%
	Kiểm tra giữa kỳ	Trắc nghiệm, tự luận [4]	15%

Nội dung		Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá kết thúc	Thi kết thúc	Trắc nghiệm, tự luận [4]	60%
		Hoặc tiểu luận cá nhân [5]	

9) Ma trận

9.1. Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

PLOs CLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO1	R									
CLO2		R								
CLO3							M			
CLO4							M			
CLO5									R	

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết giảng	X	X			X
Thảo luận nhóm		X	X	X	X
Báo cáo chuyên đề		X	X	X	X

9.3. Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp đánh giá	CLOs				
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Tích cực tham gia hoạt động trên lớp	X	X	X	X	X
Thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề			X	X	X
Tự học	X	X	X	X	X
Trắc nghiệm, tự luận	X	X	X	X	X
Tiểu luận cá nhân	X	X	X	X	X

10. CÁC RUBRIC/THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

10.1 Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài.	10 điểm
Vắng học: < 10%, có phát biểu xây dựng bài.	7-9 điểm
Vắng học: từ 10% đến < 25%, có phát biểu xây dựng bài.	5-7 điểm
Vắng học: từ 25% đến < 40%.	3-5 điểm

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Vắng học: từ 40% đến < 60%.	0 – 3 điểm
Vắng học: 60%	0 điểm

10.2. Đánh giá phương pháp trắc nghiệm, tự luận

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5-10)
Nội dung trắc nghiệm	Không chọn đúng được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)
Nội dung tự luận	Không làm được được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)

10.3 Đánh giá điểm bài tập tự học

Số bài tập tự học được giao	Mức cho điểm
Làm bài tập đầy đủ (90%≤100%)	10 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (80%≤90%)	7-9 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (50%≤80%)	5-7 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (30%≤50%)	3-5 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (≤30%)	0 – 3 điểm
Không làm bài tập	0 điểm.

10.4 Rubric: Báo cáo chuyên đề/ Thảo luận nhóm

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Nội dung báo cáo phù hợp, cập nhật 3. Phong cách trình bày 4. Trả lời các câu hỏi đặt ra	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

10.5 Rubric: Tiểu luận cá nhân cuối kỳ

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Phương pháp nghiên cứu 3. Nội dung tiểu luận phù hợp, cập nhật 4. Hàm ý kiến nghị đề xuất	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 9 năm 2024

TUQ. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG PHÒNG QLĐT

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

PGS.TS. Phan Thị Hằng Nga

TS. Đoàn Ngọc Phúc

TS. Tô Thị Đông Hà

ThS. Lê Thị Minh Trang

PHỤ LỤC
DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM GIA
GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Kinh Thị Tuyết	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Trường ĐH Tài Chính-Marketing - 778 Nguyễn Kiệm -Phường 4 - Q. Phú Nhuận- TP HCM	Điện thoại liên hệ: 0388943889
Email: kt.tuyet@ufm.edu.vn	Trang web: https://ufm.edu.vn
Cách liên lạc với giảng viên: qua email hoặc qua số điện thoại	

Họ và tên: Lê Thị Minh Trang	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Trường ĐH Tài Chính-Marketing - 778 Nguyễn Kiệm -Phường 4 - Q. Phú Nhuận- TP HCM	Điện thoại liên hệ: 0388943889
Email: ltmtrang@ufm.edu.vn	Trang web: https://ufm.edu.vn
Cách liên lạc với giảng viên: qua email hoặc qua số điện thoại	

Giảng viên hỗ trợ học phần/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tên học phần (tiếng Anh) : Graduation Thesis

- Học phần thuộc khối kiến thức:

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Học phần này hướng đến cung cấp kiến thức, kỹ năng cho người học để người học có khả năng tư duy phản biện, tổ chức và quản lý nguồn lực để xác định vấn đề nghiên cứu thuộc ngành luật kinh tế và hoàn thành khóa luận tốt nghiệp theo đúng quy định. Ngoài ra, người học hình thành được ý thức chấp hành tốt quy định của pháp luật có liên quan, nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị thực tập trong suốt quá trình thực hiện học phần.

4) Chuẩn đầu ra của học phần (Chuẩn đầu ra được phân nhiệm ở mức A trong ma trận mối quan hệ CDR của CTĐT với các học phần)

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Trình bày được kiến thức pháp luật có liên quan. Xác định được các vấn đề pháp lý nảy sinh trong quá trình thực hiện pháp luật đầu tư -kinh doanh tại một tổ chức và vận dụng những kiến thức và kỹ năng đã học để nghiên cứu một vấn đề đó một cách hiệu quả	Kiến thức
CLO2	Đánh giá được thực trạng thực hiện pháp luật tại một tổ chức và đề ra được các giải pháp pháp lý để giải quyết các tồn tại	Kiến thức
CLO3	Thành thạo các kỹ năng và phương pháp nghiên cứu độc lập, khoa học và sáng tạo;	Kỹ năng
CLO4	Phát triển các kỹ năng giải quyết tình huống pháp lý cụ thể trong thực tiễn hoạt động đầu tư – kinh doanh	Kỹ năng
CLO5	Thái độ đúng đắn và mục tiêu rõ ràng đối với nghề nghiệp tương lai của bản thân.	Tự chủ và trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
1	Tuần 1: Gặp gỡ và giúp sinh viên hiểu rõ những nội dung và yêu cầu của học phần Khóa luận tốt nghiệp (KLTN).		30	20	CLO5	Thuyết giảng, thảo luận	[1]; [2]; [3];	- Hiểu rõ những nội dung và yêu cầu của học phần KLTN. - Liên lạc với giảng viên hướng dẫn.
2	Tuần 2: Hướng dẫn sinh viên lựa chọn và đăng ký đề tài nghiên cứu		30	20	CLO1	Thuyết giảng, thảo luận, tự	[1]; [2]; [3];	Lựa chọn và đăng ký đề tài/lĩnh vực nghiên cứu

						học		(thời gian hoàn thành và phạm vi nghiên cứu phù hợp với yêu cầu của học phần)
3	Tuần 3 - Hướng dẫn viết đề cương sơ bộ - Chỉnh sửa và thông qua đề cương sơ bộ.		30	20	CLO1 CLO3 CLO4	Thuyết giảng, thảo luận, tự học	[1]; [2]; [3];	- Lập kế hoạch viết KLTN - Viết và nộp đề cương sơ bộ
4	Tuần 4 - Hướng dẫn viết đề cương chi tiết - Chỉnh sửa và thông qua đề cương chi tiết.		30	20	CLO1 CLO2, CLO3, CLO4	Thuyết giảng, thảo luận, tự học	[1]; [2]; [3]	- Viết và nộp đề cương chi tiết
5-8	Tuần 5-8 - Kiểm tra tiến độ thực hiện của sinh viên. - Trao đổi và hướng dẫn sinh viên thu thập số liệu, tài liệu tham khảo, tình hình và xử lý số liệu tình hình phục vụ cho việc viết KLTN. - Hướng dẫn sinh viên sửa bản thảo KLTN		30	20	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5.	Thuyết giảng, thảo luận, tự học	[1]; [2]; [3]; [4];	
9	Tuần 9 Kiểm tra nội dung KLTN lần cuối		30	20	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5.	Thuyết giảng, thảo luận	[1]; [2]; [3]; [4];	Chỉnh sửa và hoàn thiện KLTN
10	Tuần 10							Nộp KLTN

6) Phương pháp dạy – học

6.1. Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Lắng nghe, ghi chép, trả lời câu hỏi của GVHD, đặt câu hỏi để làm rõ nội dung còn thắc mắc	Giáo trình chính
2	Thảo luận	Trao đổi, thảo luận với GVHD hoặc CBHD về những nội dung có liên quan	Chủ đề thảo luận Giáo trình chính

6.2. Thực hành

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thực hành tại nơi thực tập	Vận dụng các kiến thức về lý luận và quy định của pháp luật để nghiên cứu và thực hành (khi được giao việc) các hoạt động nghiệp vụ cụ thể của người hành nghề luật tại nơi thực tập.	Giáo trình chính Các chương mục của khóa luận

6.3. Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc

- Hoàn thành sản phẩm với nội dung và thời gian giảng viên yêu cầu.
- Nghiên cứu giáo trình chính và các tài liệu khác có liên quan.

7) Tài liệu dạy và học

- Các giáo trình, tài liệu tham khảo liên quan đã các môn học trước;
- Các tài liệu tài liệu tham khảo khác liên quan tới KLTN.

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá:

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2. Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Thu thập tài liệu để viết	Chấm đánh giá tổng quan các tài liệu	Danh mục tài liệu có liên quan và nội dung chính của từng tài liệu
Viết các phần của đề tài theo tiến độ	Chấm điểm các phần của đề tài	Các phần của đề tài được hoàn thành

8.3. Phương pháp đánh giá học phần

Nội dung		Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Tham gia đầy đủ các buổi thực tập và các buổi gặp GVHD [1]	10%
	Kiểm tra thường xuyên	Thảo luận [2]	40%
		Tự học [3]	
Đánh giá kết thúc	Thi kết thúc	Khóa luận tốt nghiệp cá nhân[4]	50%

9) Ma trận

9.1. Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

PLOs CLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO1			A							
CLO2			A							
CLO3								A		
CLO4								A		
CLO5										A

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết giảng	X	X	X		
Thảo luận		X	X		X
Thực hành tại nơi thực tập			X	X	X

9.3. Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

CLOs Phương pháp đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Tích cực gặp GVHD và thực tập				X	X

Thảo luận			X	X	
Tự học	X	X			X
Khóa luận tốt nghiệp	X	X	X	X	X

10. CÁC RUBRIC/THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

10.1 Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài.	10 điểm
Vắng học: < 10%, có phát biểu xây dựng bài.	7-9 điểm
Vắng học: từ 10% đến < 15%, có phát biểu xây dựng bài.	5-7 điểm
Vắng học: từ 15% đến < 20%.	3-5 điểm
Vắng học: từ 20% đến < 25%.	0 – 3 điểm
Vắng học: > 25%	0 điểm

10.2 Đánh giá điểm bài tập trắc nghiệm, tự luận

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5-10)
Nội dung trắc nghiệm	- Không chọn đúng được các câu hỏi kiến thức cơ bản	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%<=80%)	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%<=90%)	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%<=100%)
Nội dung tự luận	Không làm được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%<=80%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%<=90%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%<=100%)

10.3 Đánh giá điểm bài tập tự học

Số bài tập tự học được giao	Mức cho điểm
Làm bài tập đầy đủ (90%<=100%)	10 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (80%<=90%)	7-9 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (50%<=80%)	5-7 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (30%<=50%)	3-5 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (<=30%)	0 – 3 điểm
Không làm bài tập	0 điểm.

10.4 Rubric: Báo cáo chuyên đề/ Thảo luận nhóm

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Nội dung báo cáo phù hợp, cập nhật 3. Phong cách trình bày 4. Trả lời các câu hỏi đặt ra	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

10.5 Rubric: Tiểu luận cá nhân cuối kỳ

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Phương pháp nghiên cứu 3. Nội dung tiểu luận phù hợp, cập nhật 4. Hàm ý kiến nghị đề xuất	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 9 năm 2024

TUQ. hiệu trưởng
Trưởng phòng QLĐT

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

PGS.TS. Phan Thị Hằng Nga

TS. Đoàn Ngọc Phúc

TS. Tô Thị Đông Hà

TS. Tô Thị Đông Hà

PHỤ LỤC

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Tô Thị Đông Hà	Học hàm, học vị: Tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh	Điện thoại liên hệ: 0987685977
Email: toha@ufm.edu.vn	Trang web: https://ufm.edu.vn
Cách liên lạc với giảng viên: bằng email hoặc tại văn phòng Khoa Kinh tế - Luật	

Giảng viên hỗ trợ học phần/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tên học phần (tiếng Anh) : Graduation Internship

1) Thông tin chung

- Mã số học phần: 011351
- Tổng số tín chỉ: 03 Lý thuyết: 0 Thực hành: 3
- Phân bố thời gian (tiết): 90 Lý thuyết: 0 Thực hành: 90
- Số giờ tự học (tiết): 60
- Khoa Quản lý học phần: Khoa Kinh tế - Luật
- Đối tượng người học: dành cho sinh viên năm thứ 4 - Chương trình Chuẩn
- Học phần thuộc ngành: Luật Kinh tế
- Học phần thuộc khối kiến thức: Ngành (Bắt buộc)

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☒						
		Cơ sở ngành ☐		Ngành ☐			Chuyên ngành ☐	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bổ trợ ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐

- Điều kiện tiên quyết gồm: Không

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần học trước: Các học phần kiến thức đại cương; cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành

Học phần song hành: Không

2) Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Thực tập cuối khóa là học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Đầu tư - Kinh doanh. Nội dung học phần tập trung giúp người học củng cố kiến thức ngành và chuyên ngành đã được học và vận dụng kiến thức pháp luật vào đánh giá thực tiễn vận dụng pháp luật của nơi thực tập. Kết thúc học phần, sinh viên phải nộp Báo cáo thực tập về kết quả đã đạt được trong quá trình thực tập cuối khóa.

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Học phần này hướng đến cung cấp kiến thức, kỹ năng cho người học để người học có khả năng hệ thống hóa được những vấn đề lý luận có liên quan đến đề tài; đánh giá thực trạng thực hiện pháp luật liên quan đến đề tài của đơn vị thực tập; so sánh, đối chiếu giữa

pháp luật và thực tiễn, từ đó đưa ra ý kiến nhận xét và kiến nghị phù hợp; có ý thức pháp luật tốt và tôn trọng nội quy của tổ chức, đơn vị thực tập.

4) Chuẩn đầu ra của học phần

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Nêu được chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của đơn vị thực tập và các nội dung công việc mà đơn vị thực tập giao cho sinh viên.	Kiến thức
CLO2	Vận dụng kiến thức pháp lý cơ sở; kiến thức pháp lý ngành; kiến thức pháp lý chuyên ngành thuộc lĩnh vực đầu tư, kinh doanh để giải quyết tình huống, vấn đề pháp lý phát sinh tại đơn vị thực tập.	Kiến thức
CLO3	Thiết lập được Đề cương Báo cáo và viết Báo cáo hoàn thiện về nội dung và hình thức.	Kỹ năng
CLO4	Phát hiện các vướng mắc, khó khăn về pháp lý khi thực tập tại đơn vị và đề xuất giải pháp.	Kỹ năng
CLO5	Tôn trọng công việc được giao khi thực tập và tự tin hoàn thành công việc độc lập hoặc công việc theo nhóm.	Mức tự chủ và trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
1	- Sinh viên gặp giảng viên hướng dẫn hoạt động thực tập theo quy định. - Sinh viên căn cứ vào sự hướng dẫn và giới thiệu của Khoa để tham gia hoạt động thực tập. - Sinh viên thống nhất thời gian thực tập tại đơn vị, tuân theo sự hướng dẫn và nội quy của cơ quan, tổ chức và người hướng dẫn trực tiếp.	0	20	15	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	- Giảng viên phổ biến các quy định của nhà trường về học phần thực tập cuối khóa và phương pháp chọn đề tài, viết Đề cương	[1]	Đọc giáo trình chính

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
						và Báo cáo thực tập cuối khóa. - Sinh viên gặp giảng viên phụ trách thực tập để được hướng dẫn trực tiếp. - Đại diện đơn vị thực tập tiếp nhận sinh viên, trao đổi thời gian thực tập.		
2	- Thực hiện công việc tại đơn vị thực tập. - Sinh viên phải ghi chép vào Nhật ký thực tập các nội dung như: thời gian; địa điểm; mô tả chi tiết công việc, tên người hướng dẫn, kiểm tra; kết quả thực hiện. Sinh viên phải đánh máy và in Nhật ký thực tập và phần cuối Nhật ký	0	20	15	CLO1 CLO3 CLO5	- Giảng viên theo dõi hoạt động thực tập của sinh viên tại đơn vị thực tập và hướng dẫn viết Đề	[1] [2] [3] [4] [5] [6]	- Đọc giáo trình chính; - Đọc tài liệu liên quan đến lĩnh vực pháp luật đề áp

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
	thực tập phải có nhận xét, hoặc xác nhận của người hướng dẫn thực tập (nếu nơi thực tập có cử cán bộ hướng dẫn), chữ ký của người đại diện và con dấu của đơn vị nơi sinh viên thực tập hoặc các minh chứng khác chứng minh sinh viên đã thực tập tại đơn vị đó.					cương Báo cáo. - Sinh viên liên hệ giảng viên hướng dẫn và tuân theo sự hướng dẫn của giảng viên và người hướng dẫn công việc thực tập tại đơn vị.		dụng trong hoạt động thực tập, thu thập các thông tin liên quan đến nội dung thực tập nghề nghiệp
3	- Thực hiện công việc tại cơ quan, đơn vị thực tập và ghi chép vào Nhật ký thực tập. - Tiến hành viết, chỉnh sửa và hoàn thành nội dung Báo cáo thực tập cuối khóa.	0	30	20	CLO1 CLO2 CLO4 CLO5	- Giảng viên theo dõi tiến độ thực tập tại đơn vị của sinh viên và hướng dẫn viết Báo cáo. - Sinh	[1] [2] [3] [4] [5] [6]	- Đọc giáo trình chính; - Đọc tài liệu liên quan đến lĩnh vực pháp luật đề áp

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
						viên thực hiện công việc theo hướng dẫn tại đơn vị thực tập.		dụng trong hoạt động thực tập, thu thập các thông tin liên quan đến nội dung thực tập nghề nghiệp
4	- Sinh viên hoàn thành Báo cáo thực tập cuối khóa đầy đủ các nội dung và hình thức theo quy định. - Sau khi hoàn thành Báo cáo, sinh viên in ra, xin xác nhận và nhận xét của đơn vị thực tập và nộp đúng theo thời gian quy định của Khoa.	0	20	10	CLO1 CLO2 CLO4 CLO5	Thực hành tại đơn vị thực tập	[1] [2] [3] [4] [5] [6]	Đọc giáo trình chính

6) Phương pháp dạy – học

6.1. Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên về hoạt động thực tập tại đơn vị, viết Đề	Giáo trình chính

		cương và Báo cáo thực tập cuối khóa.	
2	Báo cáo thực tập cuối khóa	Giảng viên gợi ý, hướng dẫn, trao đổi với người học về nội dung liên quan đề tài của Báo cáo và hình thức trình bày Báo cáo.	Đề tài viết Báo cáo Giáo trình chính

6.2. Thực hành

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thực hành tại đơn vị thực tập và viết Báo cáo thực tập cuối khóa.	- Sử dụng các máy móc, trang thiết bị, công cụ, dụng cụ,... để thực hiện công việc theo hướng dẫn của đơn vị thực tập. - Người học vận dụng kiến thức thực tiễn từ đơn vị thực tập và kiến thức trang bị tại cơ sở đào tạo để viết Báo cáo thực tập cuối khóa.	Giáo trình chính Công việc thực tập

6.3. Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc:

- Hướng dẫn sinh viên viết Đề cương Báo cáo thực tập cuối khóa.
- Hoàn thành Đề cương Báo cáo thực tập cuối khóa theo yêu và thời gian mà giảng viên yêu cầu.

7) Tài liệu dạy và học

❖ Tài liệu giảng dạy(giáo trình chính):

- (1) Quy định về Thực tập cuối khóa do Khoa Kinh tế - Luật ban hành.

❖ Tài liệu hướng dẫn tự học:

- (1) Sách, tài liệu liên quan đến lĩnh vực pháp luật áp dụng trong hoạt động thực tập tại đơn vị.
- (2) Tạp chí, trang web về pháp luật chuyên ngành.

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá:

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2. Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Đề cương Báo cáo thực tập cuối khóa	Chấm đề cương Báo cáo thực tập cuối khóa	Đề cương Báo cáo thực tập cuối khóa hoàn thành

8.3. Phương pháp đánh giá học phần:

	Nội dung	Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Chấp hành sự hướng dẫn của giảng viên; Chấp hành nội quy tại đơn vị thực tập; Tính chuyên cần trong quá trình tham gia thực tập [1]	40%
	Kiến thức	Đánh giá mức độ tiếp thu và vận dụng kiến thức pháp luật khi thực hiện các công việc được giao [2]	30%
	Kỹ năng	Đánh giá kỹ năng viết; Kỹ năng tư duy phản biện; Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm; Kỹ năng soạn thảo văn bản; Kỹ năng sử dụng các thiết bị công nghệ. [3]	30%
Đánh giá kết thúc	Báo cáo thực tập cuối khóa	Về kiến thức: Đánh giá mức độ tiếp thu và vận dụng kiến thức lý luận, pháp luật thực định của chuyên ngành Luật Đầu tư - Kinh doanh về vụ việc, tình huống cụ thể phát sinh trong quá trình sinh viên thực tập. [4]	40%
		Về kỹ năng: Đánh giá kỹ năng viết; Kỹ năng phân tích, lập luận; Kỹ năng tư duy pháp lý; Kỹ năng vận dụng quy phạm pháp luật để giải quyết tình huống pháp lý, vụ việc cụ thể; Kỹ năng làm việc nhóm; Kỹ năng soạn thảo văn bản. [5]	40%
		Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Thực hiện đúng quy định về hình thức trình bày Báo cáo thực tập cuối khóa của Khoa; Nộp Báo cáo đúng thời hạn. [6]	20%

9) Ma trận

9.1. Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

PLOs CLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO1			R							
CLO2			R							
CLO3								A		
CLO4								A		
CLO5										A

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết giảng	X	X			
Báo cáo thực tập cuối khóa	X	X	X	X	X

9.3. Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

CLOs Phương pháp đánh giá	CLOs				
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Tích cực thực hiện công việc tại đơn vị thực tập	X	X	X	X	X
Tự học	X	X	X	X	X
Báo cáo thực tập cuối khóa	X	X	X	X	X

10. CÁC RUBRIC/THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

10.1 Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động tại đơn vị thực tập

Số giờ thực tập so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, hoàn thành công việc xuất sắc căn cứ vào nhận xét của đơn vị thực tập.	10 điểm
Vắng thực tập: < 10%	7-9 điểm
Vắng thực tập: từ 10% đến < 25%	5-7 điểm
Vắng thực tập: từ 25% đến < 40%.	3-5 điểm
Vắng thực tập: từ 40% đến < 60%.	0 – 3 điểm
Vắng thực tập: 60%	0 điểm

10.2. Đánh giá điểm bài tập tự học

Số bài tập tự học được giao	Mức cho điểm
Làm đề cương nội dung đạt (90%≤100%)	10 điểm
Làm đề cương nội dung đạt (80%≤90%)	7-9 điểm
Làm đề cương nội dung đạt (50%≤80%)	5-7 điểm
Làm đề cương nội dung đạt (30%≤50%)	3-5 điểm
Làm đề cương nội dung đạt (<=30%)	0-3 điểm
Không làm đề cương	0 điểm

10.3 Rubric: Báo cáo thực tập cuối khóa

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Phương pháp nghiên cứu 3. Nội dung Báo cáo phù hợp, cập nhật 4. Hàm ý kiến nghị đề xuất	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

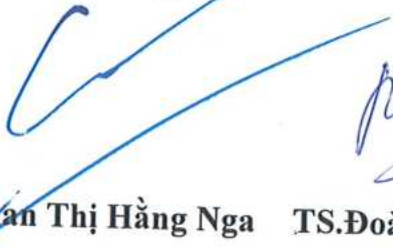
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 9 năm 2024

TUQ. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG QLĐT

Trưởng khoa

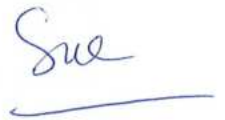
Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn









PGS.TS. Phan Thị Hằng Nga

TS. Đoàn Ngọc Phúc

TS. Tô Thị Đông Hà

ThS. Phạm Thị Nguyệt Sương

**PHỤ LỤC: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM
GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN**

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

Giảng viên hỗ trợ học phần/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH- MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần (tiếng Việt): Kỹ năng giải quyết tranh chấp trong kinh doanh

Tên học phần (tiếng Anh): Business Conflict Solution Skills

1) Thông tin chung

- Mã số học phần: 011877
- Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 3 Thực hành: 0
- Phân bố thời gian (giờ): 45 Lý thuyết: 30 Thực hành: 15
- Số giờ tự học (giờ): 105
- Khoa Quản lý học phần: Khoa Kinh tế- Luật
- Đối tượng người học: dành cho sinh viên năm thứ 4 - Chương trình chuẩn
- Học phần thuộc ngành: Luật Kinh tế.
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☒						
		Cơ sở ngành ☐		Ngành ☐			Chuyên ngành ☒	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bổ trợ ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐

- Điều kiện tiên quyết gồm:

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần học trước: các học phần cơ sở ngành, ngành, chuyên ngành

Học phần song hành: Không

2) Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Kỹ năng giải quyết tranh chấp trong kinh doanh là học phần thay thế cho Khóa luận tốt nghiệp trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Đầu tư - Kinh doanh. Nội dung học phần tập trung cung cấp kiến thức chung về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh và các nguyên tắc, kỹ năng, quy trình giải quyết tranh chấp kinh doanh bằng các phương thức khác nhau.

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Học phần này hướng đến cung cấp kiến thức, kỹ năng cho người học để người học có khả năng lựa chọn được các phương thức giải quyết tranh chấp phù hợp để tự mình

hoặc tư vấn cho người khác giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tiễn kinh doanh.

4) Chuẩn đầu ra của học phần (Chuẩn đầu ra được phân nhiệm ở mức M, A trong ma trận mối quan hệ CDR của CTĐT với các học phần)

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Phân biệt được đặc điểm, điều kiện áp dụng, ưu và khuyết điểm của mỗi phương thức giải quyết tranh chấp kinh doanh	Kiến thức
CLO2	Phân tích được các nguyên tắc, kỹ năng và quy trình giải quyết tranh chấp kinh doanh bằng hình thức thương lượng, hòa giải, trọng tài, tòa án phù hợp theo quy định của pháp luật	Kiến thức
CLO3	Phát triển kỹ năng thu thập thông tin, tổng hợp, đánh giá các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể của một vụ tranh chấp và lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp phù hợp.	Kỹ năng
CLO4	Thành thạo kỹ năng tìm, tra cứu và sử dụng các quy định của pháp luật để xử lý các tình huống phát sinh từ thực tiễn giải quyết tranh chấp trong kinh doanh	Kỹ năng
CLO5	Làm việc độc lập/làm việc theo nhóm, chủ động giải quyết công việc, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm	Tự chủ và trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
1	Chương 1: Khái quát về kỹ năng giải quyết tranh chấp trong kinh doanh 1.1 Khái quát giải quyết tranh chấp trong kinh doanh và vai trò của giải quyết tranh chấp trong kinh doanh 1.2 Các chủ thể tham gia giải quyết tranh chấp trong kinh doanh 1.3 Các kỹ năng cơ bản trong giải quyết tranh chấp trong kinh doanh	5	0	21	CLO1	Thuyết giảng	[1]; [3]; [5].	Đọc giáo trình chính
2	Chương 2: Kỹ năng giải	5	3	21	CLO2;	Thuyết	[1]; [2];	Đọc

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
	quyết tranh chấp trong kinh doanh bằng hình thức thương lượng 2.1 Nguyên tắc giải quyết tranh chấp trong kinh doanh bằng thương lượng 2.2 Các kỹ năng cơ bản trong giải quyết tranh chấp trong kinh doanh bằng thương lượng				CLO3; CLO4.	giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành tại cơ quan, tổ chức	[3]; [4]; [5].	giáo trình chính
3	Chương 3: Kỹ năng giải quyết tranh chấp trong kinh doanh bằng hòa giải 3.1 Nguyên tắc giải quyết tranh chấp trong kinh doanh bằng hòa giải 3.2 Kỹ năng chuẩn bị hòa giải 3.3 Kỹ năng của hòa giải viên trong quá trình giải quyết tranh chấp 3.4 Kỹ năng sau khi kết thúc hòa giải	6	4	21	CLO2; CLO3; CLO4.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành tại phòng xử án mô phỏng;	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Làm bài tập chương 2 Đọc giáo trình chính
4	Chương 4: Kỹ năng giải quyết tranh chấp trong kinh doanh bằng trọng tài 4.1 Nguyên tắc giải quyết tranh chấp trong kinh doanh bằng trọng tài thương mại 4.2 Kỹ năng chuẩn bị giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại 4.3 Kỹ năng tham gia giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương	6	4	21	CLO2; CLO3; CLO4.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành tại phòng mô phỏng hoặc cơ quan, tổ chức;	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Làm bài tập chương 3 Đọc giáo trình chính

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
	mại 4.4 Kỹ năng sau phiên họp giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại							
5	Chương 5: Kỹ năng giải quyết tranh chấp trong kinh doanh bằng tòa án 5.1 Nguyên tắc giải quyết tranh chấp trong kinh doanh bằng tòa án 5.2 Kỹ năng chuẩn bị giải quyết tranh chấp tại tòa 5.3 Kỹ năng tư vấn, trợ giúp cho các bên tranh chấp tham gia hòa giải theo thủ tục tại tòa án 5.4 Kỹ năng tranh tụng tại tòa án 5.5 Kỹ năng đánh giá hiệu lực và tính có căn cứ của bản án, quyết định	8	4	21	CLO2; CLO3; CLO4.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành tại tổ chức; Thực hành tại phòng mô phỏng.	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Làm bài tập chương 4 Đọc giáo trình chính

6) Phương pháp dạy – học

6.1. Thực hành

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thực hành tại phòng xử án mô phỏng	Sử dụng các máy móc, trang thiết bị, công cụ, dụng cụ,..., giảng viên hướng dẫn người học vận dụng các kiến thức lý thuyết để thực hiện các thao tác, các hoạt động nghiệp vụ	- Giáo trình chính - Bài tập - Phòng xử án mô phỏng
2	Trải nghiệm/thực hành/quan sát tại tổ chức hành nghề luật	Sử dụng các máy móc, trang thiết bị tại phòng máy hoặc máy tính cá nhân	- Bài tập thực hành - Giáo trình chính
3	Tham dự phiên tòa giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại hoặc	Hướng dẫn sinh viên theo dõi, ghi chép; tuân thủ nội quy khi tham dự	- Giáo trình chính - Bài tập

tham dự phiên họp giải quyết tranh chấp tại trung tâm trọng tài thương mại (thực tế hoặc giả định)		
--	--	--

6.2. Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc

- Hướng dẫn và chia nhóm: mỗi nhóm tối đa 5 sinh viên, bầu nhóm trưởng và thư ký nhóm.
- Nhóm trưởng nhận chủ đề nghiên cứu và báo cáo từ giảng viên đứng lớp.
- Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm triển khai các công việc (ghi nhận, đánh giá chất lượng và thời gian thực hiện của các thành viên).
- Hoàn thành sản phẩm theo yêu và thời gian giảng viên yêu cầu.
- Nghiên cứu giáo trình chính và làm bài tập cuối mỗi chương.

7) Tài liệu dạy và học

❖ Tài liệu giảng dạy (giáo trình chính):

- (1) Trường ĐH Luật Hà Nội.2020. Giáo trình Luật Thương mại (tập 1 và 2). NXB Công an nhân dân. Hà Nội.
- (2) Trường ĐH Luật TPHCM.2014. Giáo trình pháp luật về cạnh tranh và giải quyết tranh chấp thương mại, NXB Hồng Đức. Hà Nội.

❖ Tài liệu hướng dẫn tự học:

- Tiếng Việt

- (1) Trường ĐH Luật TPHCM.2014. Pháp luật về hàng hóa thương mại và dịch vụ, NXB Hồng Đức. Hà Nội.
- (2) Nguyễn Quang Đạo, Nguyễn Thị Kim Oanh. 2022. Giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại- phát hiện vi phạm và kỹ năng phòng ngừa. NXB CTQG Sự thật. Hà Nội.

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2. Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Chuẩn bị bài báo cáo chuyên đề	Chấm bài báo cáo	Bài báo cáo chuyên đề hoàn thành
Làm bài tập	Chấm điểm bài tập	Bài tập hoàn thành

8.3. Phương pháp đánh giá học phần

Nội dung		Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Tích cực tham gia hoạt động trên lớp[1]	10%
	Kiểm tra thường xuyên	Thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề[2]	40%
		Trắc nghiệm, tự luận[3]	
		Bài tập tự học[4]	
Đánh giá kết thúc	Thi kết thúc	Trắc nghiệm, tự luận[3]	50%
		Hoặc tiểu luận cá nhân[5]	

9) Ma trận

9.1. Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

PLOs CLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO1			M				M		M	
CLO2			M				M		M	
CLO3			M							
CLO4			M							
CLO5										M

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết giảng	X	X			
Thảo luận nhóm	X	X			X
Báo cáo chuyên đề	X	X			X
Trải nghiệm/Tham quan tại tổ chức hành nghề luật			X		
Tham dự phiên tòa hoặc phiên họp trọng tài				X	

9.3. Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp đánh giá	CLOs				
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Tích cực tham gia hoạt động trên lớp	X	X	X		X
Thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề	X	X			X
Trắc nghiệm, tự luận	X	X			X

Bài tập tự học			X	X	X
Trắc nghiệm, tự luận	X	X			X
Tiểu luận cá nhân	X	X			X

10. CÁC RUBRIC/THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

10.1 Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài.	10 điểm
Vắng học: < 10%, có phát biểu xây dựng bài.	7-9 điểm
Vắng học: từ 10% đến < 15%, có phát biểu xây dựng bài.	5-7 điểm
Vắng học: từ 15% đến < 20%.	3-5 điểm
Vắng học: từ 20% đến < 25%.	0 – 3 điểm
Vắng học: > 25%	0 điểm

10.2 Đánh giá điểm bài tập trắc nghiệm, tự luận

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5-10)
Nội dung trắc nghiệm	Không chọn đúng được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)
Nội dung tự luận	Không làm được được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)

10.3 Đánh giá điểm bài tập tự học

Số bài tập tự học được giao	Mức cho điểm
Làm bài tập đầy đủ (90%≤100%)	10 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (80%≤90%)	7-9 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (50%≤80%)	5-7 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (30%≤50%)	3-5 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (≤30%)	0 – 3 điểm
Không làm bài tập	0 điểm.

10.4 Rubric: Báo cáo chuyên đề/ Thảo luận nhóm

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí

2. Nội dung báo cáo phù hợp, cập nhật 3. Phong cách trình bày 4. Trả lời các câu hỏi đặt ra	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

10.5 Rubric: Tiểu luận cá nhân cuối kỳ

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Phương pháp nghiên cứu 3. Nội dung tiểu luận phù hợp, cập nhật 4. Hàm ý kiến nghị đề xuất	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 9 năm 2024

TUQ. Hiệu trưởng
Trưởng phòng QLĐT

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

PGS.TS. Phan Thị Hằng Nga

TS. Đoàn Ngọc Phúc

TS. Tô Thị Đông Hà

TS. Tô Thị Đông Hà

PHỤ LỤC
DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM GIA
GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Tô Thị Đông Hà	Học hàm, học vị: tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, Tp HCM.	Điện thoại liên hệ: 0987685977
Email: toha@ufm.edu.vn	Trang web: https://ufm.edu.vn
Cách liên lạc với giảng viên: bằng email hoặc tại văn phòng Khoa Kinh tế - Luật	

Giảng viên hỗ trợ học phần/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH- MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần (tiếng Việt): Pháp luật kinh doanh bất động sản

Tên học phần (tiếng Anh): Real Estate Business Law

1) Thông tin chung

- Mã số học phần: 010542
- Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 3 Thực hành: 0
- Phân bố thời gian (giờ): 45 Lý thuyết: 30 Thực hành: 15
- Số giờ tự học (giờ): 105
- Khoa Quản lý học phần: Khoa Kinh tế- Luật
- Đối tượng người học: dành cho sinh viên năm thứ 3 - Chương trình chuẩn
- Học phần thuộc ngành: Thâm định giá
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☒						
		Cơ sở ngành ☐		Ngành ☒			Chuyên ngành ☐	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bổ trợ ☒	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐

- Điều kiện tiên quyết gồm:
Điều kiện tiên quyết: Không
Học phần học trước: Luật kinh doanh
Học phần song hành: Không

2) Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Pháp luật kinh doanh bất động sản là học phần bổ trợ trong chương trình đào tạo chuyên ngành thẩm định giá. Nội dung học phần tập trung cung cấp kiến thức về kinh doanh bất động sản, pháp luật về kinh doanh hàng hóa bất động sản và kinh doanh dịch vụ bất động sản, nghĩa vụ của chủ thể kinh doanh bất động sản, các biện pháp đảm bảo thị trường bất động sản phát triển lành mạnh.

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Học phần này hướng đến cung cấp kiến thức, kỹ năng cho người học để người học có khả năng vận dụng pháp luật kinh doanh bất động sản và dịch vụ bất động sản trong thực tiễn; đồng thời hiểu và thực hiện đúng nghĩa vụ tài chính của chủ thể kinh doanh bất động sản và trách nhiệm của bản thân, cơ quan, tổ chức trong việc bảo đảm cho thị trường

bất động sản phát triển lành mạnh.

4) Chuẩn đầu ra của học phần (Chuẩn đầu ra được phân nhiệm ở mức R trong ma trận mối quan hệ CDR của CTĐT với các học phần)

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Vận dụng được những quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản và kinh doanh dịch vụ bất động sản.	Kiến thức
CLO2	Xác định được các nghĩa vụ tài chính của chủ thể kinh doanh bất động sản; các biện pháp bảo đảm sự lành mạnh cho thị trường bất động sản.	Kiến thức
CLO3	Hình thành kỹ năng tư vấn/thực hiện pháp luật kinh doanh bất động sản và kinh doanh dịch vụ bất động sản; kỹ năng soạn thảo hợp đồng kinh doanh bất động sản, hợp đồng kinh doanh dịch vụ bất động sản	Kỹ năng
CLO4	Xây dựng kỹ năng phòng chống rửa tiền, xử lý hành vi vi phạm pháp luật và giải quyết tranh chấp trong kinh doanh bất động sản	Kỹ năng
CLO5	Nâng cao năng lực tư duy logic, ý thức pháp luật kinh doanh bất động sản nhằm góp phần bảo đảm thị trường bất động sản phát triển lành mạnh	Tự chủ và trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
1	Chương 1: Những vấn đề chung về kinh doanh bất động sản 1. Khái quát hoạt động kinh doanh bất động sản 2. Chủ thể và điều kiện kinh doanh bất động sản 3. Bất động sản được phép đưa vào kinh doanh 4. Nguyên tắc kinh doanh bất động sản	5		10	CLO1	Thuyết giảng	[1]; [3]; [5].	Đọc chương 1 tài liệu chính

	5. Hợp đồng kinh doanh bất động sản và trình tự thủ tục tiến hành giao dịch kinh doanh bất động sản 6. Khái quát quá trình hình thành và phát triển của pháp luật kinh doanh bất động sản Việt Nam							
2	Chương 2: Quy định chung về kinh doanh hàng hóa bất động sản 1. Kinh doanh bất động sản có sẵn 2. Kinh doanh bất động sản hình thành trong tương lai 3. Chuyển nhượng dự án bất động sản	3	2	15	CLO1 CLO3	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm;	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Đọc chương 2 tài liệu chính
3	Chương 3: Quy định riêng đối với hoạt động kinh doanh nhà ở 1. Khái niệm và phân loại nhà ở 2. Sở hữu nhà ở 3. Phát triển nhà ở thương mại 4. Giao dịch kinh doanh nhà ở 5. Các quy định về quản lý, kinh doanh nhà ở xã hội 6. Quản lý, sử dụng nhà ở	3	2	15	CLO1 CLO3	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm;	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Làm bài tập chương 2 Đọc chương 3 tài liệu chính
4	Chương 4: Quy định về kinh doanh dịch vụ bất động sản 1. Dịch vụ môi giới bất động sản 2. Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản 3. Dịch vụ tư vấn bất động sản 4. Dịch vụ quản lý bất động sản	3	2	15	CLO1 CLO3	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm;	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Làm bài tập chương 3 Đọc chương 4 tài liệu chính
5	Chương 5: Nghĩa vụ tài chính của chủ thể kinh doanh bất động sản 1. Nghĩa vụ tài chính về đất	3	2	10	CLO2 CLO3	Thuyết giảng; Thảo	[1]; [2]; [3];	Làm bài tập chương 4

	đại 2. Nghĩa vụ thuế liên quan đến bất động sản					luận nhóm;	[4]; [5].	Đọc chương 5 tài liệu chính
6	Chương 6: Các biện pháp bảo đảm sự lành mạnh cho thị trường bất động sản 1. Phòng chống rửa tiền trong kinh doanh bất động sản 2. Xử lý hành vi vi phạm pháp luật trong kinh doanh bất động sản 3. Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh bất động sản	3	2	10	CLO2 CLO4 CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Làm bài tập chương 5 Đọc chương 6 tài liệu chính

6) Phương pháp dạy – học

6.1. Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi, làm bài tập	Giáo trình chính
2	Thảo luận nhóm	Phân chia nhóm, trao đổi, thảo luận nhóm, trình bày, nộp sản phẩm thảo luận	Chủ đề thảo luận Giáo trình chính
3	Báo cáo chuyên đề	Phân chia chuyên đề, phân nhóm, từng nhóm báo cáo và trao đổi thảo luận	Chuyên đề viết báo cáo. Giáo trình chính

6.2. Thực hành

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thực hành tại lớp	Xây dựng các tình huống pháp lý hướng dẫn người học vận dụng các kiến thức pháp lý để giải quyết các tình huống đó.	- Giáo trình chính - VBQPPL có liên quan - Bài tập

6.3. Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc:

- Hướng dẫn và chia nhóm: mỗi nhóm tối đa 7 sinh viên, bầu nhóm trưởng và thư ký nhóm

- Nhóm trưởng nhận chủ đề nghiên cứu và báo cáo từ giảng viên đứng lớp.
- Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm triển khai các công việc (ghi nhận, đánh giá chất lượng và thời gian thực hiện của các thành viên).
- Hoàn thành sản phẩm theo yêu và thời gian giảng viên yêu cầu.
- Nghiên cứu giáo trình chính và làm bài tập cuối mỗi chương.

7) Tài liệu dạy và học

❖ Văn bản quy phạm pháp luật:

- Bộ luật Dân sự 2015;
- Luật Kinh doanh bất động sản năm 2024;
- Luật Đất đai năm 2024;
- Luật Nhà ở năm 2024;
- Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung vào năm 2014, 2017 và 2020)
- Luật Xây dựng năm 2014 (được sửa đổi, bổ sung vào năm 2018, 2019, và 2020);
- Luật Khiếu nại năm 2011 (được sửa đổi, bổ sung vào năm 2014 và 2021);
- Luật Tố cáo năm 2018;
- Luật Doanh nghiệp năm 2020;
- Luật Đầu tư năm 2020;
- Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan

❖ Tài liệu giảng dạy (giáo trình chính)

- (1) Lưu Quốc Thái. 2022. Pháp luật kinh doanh bất động sản. Nxb.ĐHQG TPHCM.
- (2) Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh. 2021. Giáo trình Luật Đất đai, NXB Hồng Đức.

❖ Tài liệu hướng dẫn tự học

- Tiếng Việt

- (1) Tạ Đình Tuyên và Nguyễn Văn Huy. 2024. Bình luận khoa học Luật Đất đai năm 2024, NXB. Lao động.
- (2) Nguyễn Thị Ngọc Hoa. 2024. Luật Đất đai năm 2024 và án lệ giải quyết vụ án, vụ việc về đất đai trong thực tiễn xét xử, Nxb. Công an nhân dân.
- (3) Phạm Quang Tuyên. 2022. Bình luận khoa học Luật kinh doanh bất động sản, NXB. CTQG Sự thật.

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

8.1. Thang điểm đánh giá

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2. Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Chuẩn bị bài báo cáo chuyên đề	Chấm bài báo cáo	Bài báo cáo chuyên đề hoàn thành
Làm bài tập	Chấm điểm bài tập	Bài tập hoàn thành

8.3. Phương pháp đánh giá học phần

Nội dung		Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Tích cực tham gia hoạt động trên lớp[1]	10%
	Kiểm tra thường xuyên	Thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề[2]	30%
		Trắc nghiệm, tự luận[3]	
		Bài tập tự học[4]	
Đánh giá kết thúc	Thi kết thúc	Trắc nghiệm, tự luận[3]	60%
		Hoặc tiểu luận cá nhân[5]	

9) Ma trận

9.1. Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

PLOs CLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO1			R							
CLO2			R							
CLO3								R		
CLO4								R		
CLO5									R	

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết giảng	X	X	X	X	
Thảo luận nhóm			X	X	
Báo cáo chuyên đề		X			X
Thực hành tại lớp			X	X	

9.3. Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

CLOs Phương pháp đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Tích cực tham gia hoạt động trên lớp	X	X	X		X
Thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề	X	X			X
Trắc nghiệm, tự luận	X			X	X
Bài tập tự học		X	X		X
Tiểu luận cá nhân	X				X

10. CÁC RUBRIC/THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

10.1 Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài.	10 điểm
Vắng học: < 10%, có phát biểu xây dựng bài.	7-9 điểm
Vắng học: từ 10% đến < 15%, có phát biểu xây dựng bài.	5-7 điểm
Vắng học: từ 15% đến < 20%.	3-5 điểm
Vắng học: từ 20% đến < 25%.	0 – 3 điểm
Vắng học: > 25%	0 điểm

10.2 Đánh giá điểm bài tập trắc nghiệm, tự luận

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5≤10)
Nội dung trắc nghiệm	- Không chọn đúng được các câu hỏi kiến thức cơ bản	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)
Nội dung tự luận	Không làm được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)

10.3 Đánh giá điểm bài tập tự học

Số bài tập tự học được giao	Mức cho điểm
Làm bài tập đầy đủ (90%≤100%)	10 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (80%≤90%)	7-9 điểm

Làm bài tập chưa đầy đủ ($50\% \leq 80\%$)	5-7 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ ($30\% \leq 50\%$)	3-5 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ ($\leq 30\%$)	0 – 3 điểm
Không làm bài tập	0 điểm.

10.4 Rubric: Báo cáo chuyên đề/ Thảo luận nhóm

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Nội dung báo cáo phù hợp, cập nhật 3. Phong cách trình bày 4. Trả lời các câu hỏi đặt ra	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

10.5 Rubric: Tiểu luận cá nhân cuối kỳ

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Phương pháp nghiên cứu 3. Nội dung tiểu luận phù hợp, cập nhật 4. Hàm ý kiến nghị đề xuất	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 9 năm 2024

TUQ. Hiệu trưởng
Trưởng phòng QLĐT

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn





PGS.TS. Phan Thị Hằng Nga

TS. Đoàn Ngọc Phúc

TS. Tô Thị Đông Hà

TS. Tô Thị Đông Hà

PHỤ LỤC
DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM GIA
GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Tô Thị Đông Hà	Học hàm, học vị: tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, Tp. HCM.	Điện thoại liên hệ: 0987685977
Email: toha@ufm.edu.vn	Trang web: https://ufm.edu.vn
Cách liên lạc với giảng viên: bằng email hoặc tại văn phòng Khoa Kinh tế - Luật	

Giảng viên hỗ trợ học phần/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần (tiếng Việt): Pháp luật trong thẩm định giá tài sản

Tên học phần (tiếng Anh): Laws in valuation

1) Thông tin chung

- Mã số học phần: 011856
- Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 3 Thực hành: 0
- Phân bố thời gian (giờ): 45 Lý thuyết: 30 Thực hành: 15
- Số giờ tự học (giờ): 105
- Khoa Quản lý học phần: Khoa Kinh tế - Luật
- Đối tượng người học: dành cho sinh viên năm thứ 2,3 - Chương trình chuẩn
- Học phần thuộc ngành: Tài chính ngân hàng
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☐		Chuyên nghiệp ☒						
		Cơ sở ngành ☐		Ngành ☐			Chuyên ngành ☒	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bổ trợ ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☒

- Điều kiện tiên quyết gồm:

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần học trước: Pháp luật đại cương

Học phần song hành: Không

2) Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Pháp luật trong thẩm định giá tài sản là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo chuyên ngành Thẩm định giá. Nội dung học phần tập trung cung cấp kiến thức về pháp luật giá, thẩm định giá; pháp luật về doanh nghiệp thẩm định giá, địa vị pháp lý của thẩm định viên về giá; kiến thức pháp lý cơ bản về tài sản định giá, thẩm định giá; trình tự, thủ tục của hoạt động thẩm định giá, định giá và một số nội dung của pháp luật hợp đồng liên quan đến hoạt động thẩm định giá.

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Học phần này hướng đến cung cấp kiến thức, kỹ năng cho người học để người học có khả năng áp dụng pháp luật trong hoạt động định giá, thẩm định giá tài sản. Trên cơ sở đó, người học có thái độ làm việc đúng đắn và tôn trọng pháp luật trong hành nghề thẩm định

giá tài sản.

4) Chuẩn đầu ra của học phần (Chuẩn đầu ra được phân nhiệm ở mức M trong ma trận mối quan hệ CDR của CTĐT với các học phần)

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Phân tích được các quy định pháp luật về tài sản, hợp đồng, giá và thẩm định giá	Kiến thức
CLO2	Phân tích và đánh giá công tác quản lý nhà nước liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp thẩm định giá, thẩm định viên về giá, trình tự, thủ tục của công tác thẩm định giá	Kiến thức
CLO3	Trình bày và lập luận đúng về quy định pháp luật liên quan đến công tác thẩm định giá, có khả năng phản biện tốt	Kỹ năng
CLO4	Làm được các bài tập về khả năng nhận diện và xử lý được các hành vi vi phạm pháp luật trên lĩnh vực thẩm định giá	Kỹ năng
CLO5	Làm việc độc lập/làm việc theo nhóm, chủ động giải quyết công việc, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm	Tự chủ và trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
1	Pháp luật về tài sản và các quyền về tài sản 1.1 Tài sản và phân loại tài sản 1.2 Sở hữu, quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản	4	2	10	CLO1; CLO3	Thuyết giảng Thảo luận nhóm	[1]; [3]; [5].	Đọc chương 1 Tập bài giảng Bộ luật dân sự 2015
2	Quản lý nhà nước về giá 2.1 Khái niệm 2.2 Nội dung quản lý nhà nước về giá	6	3	20	CLO1; CLO3; CLO4.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm;	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Làm bài tập Chương 1 Đọc chương 2

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
	lý nhà nước về giá 2.4 Bình ổn giá 2.5 Định giá 2.6 Hiệp thương giá 2.7 Kê khai, niêm yết giá					hành tại lớp; Báo cáo chuyên đề.		giảng Luật giá 2023 Nghị định 85/2024/NĐ-CP
3	Pháp luật về thẩm định giá tài sản 3.1 Khái niệm thẩm định giá 3.2 Thẩm quyền quản lý nhà nước về thẩm định giá 3.3 Nguyên tắc hoạt động thẩm định giá, kết quả thẩm định giá 3.4 Hệ thống tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam 3.5 Quy trình thẩm định giá tài sản 3.6 Hoạt động thẩm định giá trong Thi hành án dân sự	10	6	40	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành tại lớp; Báo cáo chuyên đề.	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Làm bài tập Chương 2 Độc chương 3 Tập bài giảng Luật giá 2023 Nghị định 85/2024/NĐ-CP
	Doanh nghiệp thẩm định giá và thẩm định viên về giá 4.1 Doanh nghiệp thẩm định giá 4.2 Thẩm định viên về giá 4.3 Thẩm định giá nhà nước 4.4 Trách nhiệm pháp lý áp dụng đối với thẩm định viên về giá và doanh nghiệp thẩm định giá	6	2	20	CLO2; CLO3; CLO4; CLO5.	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm; Thực hành tại lớp; Báo cáo chuyên đề.	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Làm bài tập Chương 3 Độc chương 4 Tập bài giảng Luật giá 2023 Nghị định 85/2024/NĐ-CP Nghị định 49/2016/NĐ-CP
5	Pháp luật về hợp đồng liên quan đến	4	2	15	CLO1; CLO3.	Thuyết giảng.	[1]; [2].	Làm bài tập

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
	hoạt động thẩm định giá 5.1 Khái niệm và nội dung về hợp đồng thẩm định giá 5.2 Trách nhiệm pháp lý trong quan hệ hợp đồng thẩm định giá và phương thức giải quyết tranh chấp về kết quả thẩm định giá 5.3 Báo cáo kết quả thẩm định giá, chứng thư thẩm định giá				CLO4; CLO5.	Thảo luận nhóm; Thực hành tại lớp; Báo cáo chuyên đề.	[3]; [4]; [5].	Chương 4 Đọc chương 5 Tập bài giảng Bộ luật dân sự 2015 Luật thương mại 2005 Luật giá 2023 Nghị định 85/2024/N
								Đ-CP

6) Phương pháp dạy – học

6.1. Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi, làm bài tập	Tập bài giảng Luật giá 2023 Nghị định 85/2024/NĐ-CP Nghị định 49/2016/NĐ-CP Bộ luật dân sự 2015 Luật thương mại 2005
2	Thảo luận nhóm	Phân chia nhóm, trao đổi, thảo luận nhóm, trình bày, nộp sản phẩm thảo luận	Chủ đề thảo luận Tập bài giảng Luật giá 2023 Nghị định 85/2024/NĐ-CP Nghị định 49/2016/NĐ-CP Bộ luật dân sự 2015 Luật thương mại 2005
3	Báo cáo chuyên đề	Phân chia chuyên đề, phân nhóm, từng nhóm báo cáo và trao đổi thảo luận	Chuyên đề viết báo cáo. Tập bài giảng Luật giá 2023 Nghị định 85/2024/NĐ-CP Nghị định 49/2016/NĐ-CP Bộ luật dân sự 2015

6.2. Thực hành

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thực hành tại lớp	Xây dựng các tình huống pháp lý hướng dẫn người học vận dụng các kiến thức pháp lý để giải quyết các tình huống đó.	Tập bài giảng Luật giá 2023 Nghị định 85/2024/NĐ-CP Nghị định 49/2016/NĐ-CP Bộ luật dân sự 2015 Luật thương mại 2005 Bài tập

6.3. Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc:

- Hướng dẫn và chia nhóm: mỗi nhóm tối đa 5 sinh viên, bầu nhóm trưởng và thư ký nhóm.
- Nhóm trưởng nhận chủ đề nghiên cứu và báo cáo từ giảng viên đứng lớp.
- Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm triển khai các công việc (ghi nhận, đánh giá chất lượng và thời gian thực hiện của các thành viên).
- Hoàn thành sản phẩm theo yêu và thời gian giảng viên yêu cầu.
- Nghiên cứu Tập bài giảng và làm bài tập cuối mỗi chương.

7) Tài liệu dạy và học

❖ Tài liệu giảng dạy:

Bộ môn Luật – Trường Đại học Tài chính Marketing, Tập bài giảng học phần Pháp luật trong thẩm định giá tài sản, Lưu hành nội bộ

❖ Tài liệu hướng dẫn tự học:

- Tiếng Việt

- (1) Chính phủ. 2024. Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật giá;
- (2) Chính phủ. 2024. Nghị định số 78/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật giá về thẩm định giá;
- (3) Chính phủ. 2013. Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trên lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hoá đơn;
- (4) Chính phủ. 2016. Nghị định số 49/2016/NĐ-CP ngày 27/5/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 109/2013/NĐ-CP;
- (5) Quốc hội. 2015). Bộ luật dân sự;
- (6) Quốc hội. 2005. Luật thương mại;
- (7) Quốc hội. 2023. Luật giá.

- Tiếng Anh : Không

8) Phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập

Học phần được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 10 sẽ được quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ tương ứng theo quy chế đào tạo tín chỉ.

8.2. Phương pháp kiểm tra tự học

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Sản phẩm tự học
Chuẩn bị bài báo cáo chuyên đề	Chấm bài báo cáo	Bài báo cáo chuyên đề hoàn thành
Làm bài tập	Chấm điểm bài tập	Bài tập hoàn thành

8.3. Phương pháp đánh giá học phần:

Nội dung		Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Tích cực tham gia hoạt động trên lớp[1]	5%
	Kiểm tra thường xuyên	Thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề[2]	35%
		Trắc nghiệm, tự luận[3]	
		Bài tập tự học[4]	
Đánh giá kết thúc	Thi kết thúc	Trắc nghiệm, tự luận[3]	60%
		Hoặc tiểu luận cá nhân[5]	

9) Ma trận

9.1. Ma trận tương thích chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra ngành đào tạo

PLOs CLOs	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
CLO1				M						
CLO2				M						
CLO3								R		
CLO4									R	
CLO5										R

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết giảng	X	X		X	
Thảo luận nhóm	X	X	X	X	X
Báo cáo chuyên đề	X	X	X	X	X

Thực hành tại lớp			X	X	X
-------------------	--	--	---	---	---

9.3. Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

CLOs Phương pháp đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Tích cực tham gia hoạt động trên lớp	X	X	X	X	X
Thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề	X	X	X	X	X
Trắc nghiệm, tự luận	X	X	X	X	X
Bài tập tự học	X	X		X	X
Tiểu luận cá nhân	X	X		X	X

10. CÁC RUBRIC/THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

10.1 Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài.	10 điểm
Vắng học: < 10%, có phát biểu xây dựng bài.	7-9 điểm
Vắng học: từ 10% đến < 15%, có phát biểu xây dựng bài.	5-7 điểm
Vắng học: từ 15% đến < 20%.	3-5 điểm
Vắng học: từ 20% đến < 25%.	0 – 3 điểm
Vắng học: > 25%	0 điểm

10.2 Đánh giá điểm bài tập trắc nghiệm, tự luận

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5≤10)
Nội dung trắc nghiệm	- Không chọn đúng được các câu hỏi kiến thức cơ bản	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	- Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)
Nội dung tự luận	Không làm được được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)

10.3 Đánh giá điểm bài tập tự học

Số bài tập tự học được giao	Mức cho điểm
Làm bài tập đầy đủ ($90\% \leq 100\%$)	10 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ ($80\% \leq 90\%$)	7-9 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ ($50\% \leq 80\%$)	5-7 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ ($30\% \leq 50\%$)	3-5 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ ($\leq 30\%$)	0 – 3 điểm
Không làm bài tập	0 điểm.

10.4 Rubric: Báo cáo chuyên đề/ Thảo luận nhóm

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Nội dung báo cáo phù hợp, cập nhật 3. Phong cách trình bày 4. Trả lời các câu hỏi đặt ra	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

10.5 Rubric: Tiểu luận cá nhân cuối kỳ

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Phương pháp nghiên cứu 3. Nội dung tiểu luận phù hợp, cập nhật 4. Hàm ý kiến nghị đề xuất	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 9 năm 2024

TUQ. Hiệu trưởng
Trưởng phòng QLĐT

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

PGS.TS. Phan Thị Hằng Nga

TS. Đoàn Ngọc Phúc

TS. Tô Thị Đông Hà

ThS. Thái Thị Tường Vi

PHỤ LỤC
DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM GIA
GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Thái Thị Tường Vi	Học hàm, học vị: Thạc sỹ
Địa chỉ cơ quan: 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh	Điện thoại liên hệ: 0983921433
Email: thaiivi@ufm.edu.vn	Trang web: https://ufm.edu.vn
Cách liên lạc với giảng viên: bằng email, điện thoại hoặc tại văn phòng khoa Kinh tế-Luật	

Giảng viên hỗ trợ học phần/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

